

Hà Nội, ngày 15. tháng 4 năm 2026.

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SỞ GIAO DỊCH
CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI.**

Kính gửi: - Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước.
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.
- Trung tâm lưu ký chứng khoán VN

I. GIỚI THIỆU VỀ TỔ CHỨC CÔNG BỐ THÔNG TIN.

- Tên giao dịch: Công ty cổ phần LICOGI12.
- Mã cổ phiếu: L12
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: 0100106433.
- Vốn Điều lệ: 70.000.000.000 VNĐ (Bảy mươi tỷ đồng.)
- Địa chỉ trụ sở chính: Số 21, phố Đại Từ, phường Đại Kim, quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam. ĐT; 0243.8691534; 0243 8685187; FAX: 0243.8685014; WEBSITE: www.licogi12.com.
- Loại công bố thông tin: 24h; 72 giờ; Bất thường; Theo yêu cầu; Định kỳ.

II. NỘI DUNG THÔNG TIN CÔNG BỐ.

Công ty cổ phần LICOGI12 công bố thông tin về việc: Thông báo mời tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên lần thứ 22 năm 2026 như sau:

Căn cứ Công văn số VNMEETVSD013962/VSDL12XX ngày ĐKCC 25/03/2026 của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam về Ngày đăng ký cuối cùng và xác nhận Danh sách tổng hợp người sở hữu chứng khoán thực hiện quyền.

Ngày 25/03/2026, Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam đã chốt danh sách các cổ đông có cổ phần sở hữu tại Công ty cổ phần LICOGI 12.

Công ty cổ phần LICOGI 12 trân trọng kính mời các cổ đông có tên trong danh sách do Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam cung cấp về tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên lần thứ 22 năm 2026.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty cổ phần LICOGI12 tại đường dẫn WEBSITE: www.licogi12.com.

Công ty cổ phần LICOGI12 cam kết thông tin trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Ths: *Dương Xuân Quang*

CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI12

Mã số doanh nghiệp: 01 001 06433
Địa chỉ: Số 21, Phố Đại Từ, Phường Đại Kim,
Quận Hoàng Mai, TP Hà Nội.
ĐT: 0243.8687781; FAX: 0243.8685014;
Website: www.licogi12.com

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 7 tháng 04 năm 2025.

THÔNG BÁO MỜI HỌP.

Đại hội đồng cổ đông thường niên lần thứ 22 năm 2026.

Kính gửi: Quý cổ đông Công ty cổ phần LICOGI12

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần LICOGI12 trân trọng thông báo và kính mời Quý cổ đông đến dự Đại hội đồng cổ đông thường niên lần thứ 22 năm 2026.

1. **Thời gian:** Từ 7h30', thứ tư, ngày 06 tháng 5 năm 2026.

2. **Địa điểm:** Tầng 18, số 21, phố Đại Từ, phường Định Công, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

3. **Chương trình Đại hội:**

1. Báo cáo Tài chính năm 2025.

2. Kế hoạch SXKD và Đầu tư năm 2026.

3. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2025.

4. Quyết toán tiền phụ cấp trách nhiệm cho các chức danh thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT); Thành viên Ban kiểm soát (BKS) và Thư ký Công ty năm 2025 và Dự trữ tổng mức tiền l phụ cấp trách nhiệm cho các chức danh thành viên HĐQT; Thành viên BKS và Thư ký Công ty năm 2026.

5. Tờ trình về việc ban hành Quy chế nội bộ về quản trị Công ty cổ phần LICOGI 12

6. Tờ trình về việc ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần LICOGI 12.

7. Tờ trình về việc ban hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần LICOGI 12.

8. Lựa chọn đơn vị kiểm toán cho Báo cáo Tài chính năm 2026

4. **Thành phần mời họp:**

- Tất cả các cổ đông có cổ phần sở hữu tại Công ty có tên trong danh sách chốt đến hết ngày 25/03/2026.

- Việc uỷ quyền dự Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo quy định tại Điều 15, Điều lệ Công ty.

- Để việc tổ chức Đại hội được chuẩn bị chu đáo, đề nghị Quý cổ đông đăng ký xác nhận tham dự hoặc uỷ quyền tham dự trước 17giờ ngày 03/5/2026, gửi về Công ty CP LICOGI12 bằng các hình thức sau: Gửi văn bản về văn phòng HĐQT Công ty; Gửi vào Email: Info@licogi12.com; Gửi tin nhắn, hoặc Zalo qua số ĐT: Ms. Thủy (Thư ký) - 0916 527 886.

- Tài liệu Đại hội, mẫu giấy đăng ký dự Đại hội đồng cổ đông, mẫu giấy uỷ quyền đề nghị quý cổ đông truy cập và in từ trang Website của Công ty (www.licogi12.com), hoặc nhận trực tiếp tại văn phòng HĐQT Công ty: Tầng 18, số 21, phố Đại Từ, phường Định Công, Thành phố Hà Nội, Việt Nam ; Điện thoại 0243.8691534.



- Quý cổ đông tham dự Đại hội mang theo bản chính giấy mời, giấy uỷ quyền, giấy CMT hoặc hộ chiếu và tự lo chi phí ăn ở, đi lại.

5. Về việc đề nghị bổ xung chương trình nghị sự:

- Việc bổ xung chương trình Đại hội thực hiện theo Điều 11.3, điều 16 của Điều lệ Công ty CP LICOGI12, đề nghị phải lập thành văn bản và gửi tới Văn phòng HĐQT Công ty trước 03 ngày khai mạc Đại hội.

Trân trọng cảm ơn./.

**CHỦ TỊCH
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY**



[Handwritten signature in blue ink]

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Ths: *Dương Xuân Quang*



CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI12
Mã số doanh nghiệp: 01 001 06433
Địa chỉ: Số 21, Phố Đại Từ, Phường Định Công, TP Hà Nội.
ĐT: 0243.8687781; FAX: 0243.8685014;
Website: www.licogi12.com



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

GIẤY ĐĂNG KÝ DỰ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Kính gửi: Hội đồng quản trị Công ty cổ phần LICOGI12.

Tên tôi là:.....

Số CMND/CCCD:..... do cấp ngày.....

Hiện đang sở hữu: cổ phần.

Căn cứ nội dung thông báo của HĐQT Công ty cổ phần LICOGI12 về việc mời họp Đại hội đồng cổ đông thường niên lần thứ 22 năm 2026.

Tôi xin đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên lần thứ 22 năm 2026 Công ty cổ phần LICOGI 12.

....., Ngày tháng năm 2026

NGƯỜI ĐĂNG KÝ
(Ký ghi rõ họ tên)

CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI12

Mã số doanh nghiệp: 01 001 06433

Địa chỉ: Số 21, Phố Đại Từ, Phường Định Công,
TP Hà Nội.

ĐT: 0243.8687781; FAX: 0243.8685014;

Website: www.licogi12.com



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

GIẤY ỦY QUYỀN

Kính gửi: Hội đồng quản trị Công ty cổ phần LICOGI12.

Tên tôi là:.....

Số CMND/CCCD:..... do cấp ngày.....

Hiện đang sở hữu: cổ phần.

Căn cứ nội dung thông báo của HĐQT Công ty cổ phần LICOGI12 về việc mời họp Đại hội đồng cổ đông thường niên lần thứ 22 năm 2026: “Cổ đông không trực tiếp tới dự họp có thể uỷ quyền cho người khác có đủ năng lực hành vi, năng lực pháp luật dự họp thay”.

Nay tôi uỷ quyền cho Ông (Bà):.....

Số CMND/CCCD:..... do cấp ngày.....

Địa chỉ.....

Thay mặt tôi tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên lần thứ 22 năm 2026 Công ty cổ phần LICOGI12.

Người được uỷ quyền có đủ thẩm quyền và trách nhiệm đại diện ký tên vào danh sách cổ đông dự họp và tham gia thảo luận, biểu quyết các vấn đề nêu ra trong Đại hội đồng cổ đông thường niên lần thứ 22 năm 2026.

....., Ngày tháng năm 2026

Người nhận uỷ quyền
(Ký ghi rõ họ tên)

Người uỷ quyền
(Ký ghi rõ họ tên)

Hà Nội, ngày 07 tháng 04 năm 2026.

NGHỊ QUYẾT

V/v: *Phê duyệt các nội dung và tài liệu họp trình ĐHĐCD thường niên lần thứ 22 năm 2026 Công ty CP LICOGI12*

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI12

- Căn cứ Luật doanh nghiệp Nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty cổ phần LICOGI12;
- Căn cứ Biên bản cuộc họp HĐQT số 106-BB/LICOGI12-HĐQT ngày 07/04/2026 V/v: “Phê duyệt các nội dung và tài liệu họp đưa ra trình ĐHĐCD thường niên lần thứ 22 năm 2026”.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1: Thông qua các báo cáo và nội dung các tờ trình trình Đại hội đồng cổ đông thường niên lần thứ 22 năm 2026 Công ty cổ phần LICOGI12 gồm các nội dung sau:

1. Báo cáo Tài chính năm 2025.**Doanh thu năm 2025.**

Đơn vị: VNĐ

| TT | DANH MỤC | KẾ HOẠCH 2025 | THỰC HIỆN 2025 | TỶ LỆ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH (%) |
|----|--|-----------------|-----------------|------------------------------|
| 1 | Doanh thu Công ty CP LICOGI12 | 380.660.000.000 | 424.807.659.571 | 111,5% |
| 2 | Lợi nhuận kế toán trước thuế Công ty CP LICOGI12 | 3.980.000.000 | 3.994.498.986 | 100,36% |
| 3 | Lợi nhuận sau thuế thu nhập DN Công ty CP LICOGI12 | 3.184.000.000 | 3.257.426.993 | 102,3% |

(Báo cáo tài chính năm 2025 kèm theo)

Tỷ lệ biểu quyết đồng ý: 4/5 tương đương với 80%.

2. Kế hoạch SXKD và Đầu tư năm 2026 của Công ty cổ phần LICOGI12 với những chỉ tiêu cơ bản:

2.1. Kế hoạch sản lượng và nghiệm thu thanh toán năm 2026

- Giá trị sản lượng thực hiện: **566.172.566.000 VNĐ.**
- Giá trị nghiệm thu, thanh toán: **485.655.631.000 VNĐ.**

2.2. Chỉ tiêu hoạt động SXKD năm 2026.

Đơn vị: VNĐ

| STT | CHỈ TIÊU | GIÁ TRỊ (VNĐ) |
|-----|--|------------------|
| 1 | Doanh thu Công ty CP LICOGI12 | 480.681.000.000 |
| 2 | Lợi nhuận kế toán trước thuế Công ty CP LICOGI12 | 5.076.857.484 |
| 3 | Lợi nhuận sau thuế thu nhập DN Công ty CP LICOGI12 | 4.061.485.988 |
| 4 | Kế hoạch cổ tức năm 2026 của Công ty CP LICOGI12. | 500 VNĐ/ cổ phần |

2.3. Kế hoạch đầu tư máy móc thiết bị năm 2026.

Đơn vị: VNĐ

| Stt | Danh mục đầu tư | Số lượng | Thành tiền | Nguồn vốn | | Dự kiến năm khấu hao |
|------------|---|----------|-----------------------|-----------------------|----------------------|----------------------|
| | | | | Vay | Tự có/Dự án | |
| I. | Thiết bị thi công nhà cao tầng và thấp tầng | | 24,340,670,455 | 17,038,469,318 | 7,302,201,136 | |
| 1 | Cần trục tháp (sức nâng Max: 8÷10 tấn, đã qua sử dụng) | 2 | 4,000,000,000 | 2,800,000,000 | 1,200,000,000 | 7 năm |
| 2 | Vận thăng lồng đôi (sức nâng 2 tấn/lồng, chiều cao 100m, đã qua sử dụng) | 2 | 2,200,000,000 | 1,540,000,000 | 660,000,000 | 7 năm |
| 3 | Hệ giáo chống sàn Ringlock và phụ kiện (đủ để thi công Công trình có diện tích sàn ~ 2.000 m2) | | 7,162,500,000 | 5,013,750,000 | 2,148,750,000 | 5 năm |
| 4 | Hệ giáo hoàn thiện - Bao che (đủ để thi công Công trình có diện tích sàn ~ 2.000 m2 và cao ~ 25 tầng) | | 7,039,100,455 | 4,927,370,318 | 2,111,730,136 | 5 năm |
| 5 | Thép hộp mạ kẽm các loại (đủ để thi công Công trình có diện tích sàn ~ 2.000 m2) | | 3,939,070,000 | 2,757,349,000 | 1,181,721,000 | 3 năm |
| II. | Máy thiết bị thi công cọc khoan nhồi | | 6,520,000,000 | 4,564,000,000 | 1,956,000,000 | |
| 1 | Cần trục bánh xích (tải trọng max: 45÷55 tấn, đã qua sử dụng) | 2 | 5,400,000,000 | 3,780,000,000 | 1,620,000,000 | 7 năm |
| 2 | Máy phát điện 3pha 150kVA (đã qua sử dụng) | 1 | 250,000,000 | 175,000,000 | 75,000,000 | 7 năm |
| 3 | Máy nén khí trục vít (động cơ diesel, lưu lượng 11m3/ph, đã qua sử dụng) | 1 | 170,000,000 | 119,000,000 | 51,000,000 | 7 năm |

12/10/2023

| | | | | | | |
|-------------|---|---|-----------------------|-----------------------|-----------------------|--------|
| 4 | Cần khoan đất D445*5*12.5m (lắp cho máy khoan Sany SR200-III) | 1 | 700,000,000 | 490,000,000 | 210,000,000 | 12 năm |
| III. | Phụ kiện thi công cọc khoan nhồi và tường vây | | 3,021,363,636 | 2,114,954,545 | 906,409,091 | |
| 1 | Phụ kiện thi công khoan đá | | 465,000,000 | 325,500,000 | 139,500,000 | 3 năm |
| 2 | Phụ kiện thi công khoan đất | | 567,000,000 | 396,900,000 | 170,100,000 | 7 năm |
| 3 | Thiết bị phụ kiện thi công tường vây | | 895,000,000 | 626,500,000 | 268,500,000 | 7 năm |
| 4 | Thiết bị chứa dung dịch và đồ bê tông | | 1,094,363,636 | 766,054,545 | 328,309,091 | 7 năm |
| | Tổng cộng | | 33,882,034,091 | 23,717,423,864 | 10,164,610,227 | - |

Ghi chú:

- Giá trị trên chưa bao gồm thuế VAT.

2.4. Kế hoạch hạn mức tín dụng và hạn mức bảo lãnh năm 2026

Đơn vị: VND

| STT | NGÂN HÀNG | HẠN MỨC TÍN DỤNG | HẠN MỨC BẢO LÃNH | TỔNG CỘNG |
|-----|---|------------------------|------------------------|------------------------|
| 1 | Ngân hàng TMCP Quân đội | 60.000.000.000 | 100.000.000.000 | 160.000.000.000 |
| 2 | Ngân hàng Đầu tư & Phát triển Hà Nội | 70.000.000.000 | 130.000.000.000 | 200.000.000.000 |
| 3 | Ngân hàng No&PTNT Tây Hà Nội | 30.000.000.000 | | 30.000.000.000 |
| | Tổng cộng | 160.000.000.000 | 230.000.000.000 | 390.000.000.000 |

(Kế hoạch SXKD và Đầu tư năm 2026 kèm theo).

Tỷ lệ biểu quyết đồng ý: 4/5 tương đương với 80%.

3. Thông qua: Tờ trình phương án phân phối lợi nhuận năm 2025 với các chỉ tiêu:

Đơn vị: VND

| | | |
|--|--|---------------------|
| + Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2025 | | 3.257.426.993 |
| + Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến hết 2025 | | 11.379.710.941 |
| + Vốn cổ phân hiện hành. | | 67.388.710.000 |
| + Tổng số cổ phân hiện có đến ngày 25/03/2026 (không tính cổ phiếu quỹ) | | 6.738.871 cổ phần |
| + Cổ tức năm 2025 | | 500 VNĐ/cổ phần |
| + Tỷ lệ chia cổ tức | | 5% mệnh giá cổ phần |

(Tờ trình: Phương án phân phối lợi nhuận năm 2025 kèm theo)

Tỷ lệ biểu quyết đồng ý: 4/5 tương đương với 80%.

4. Báo cáo quyết toán tiền phụ cấp trách nhiệm cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Thư ký Công ty năm 2025; Dự trù tổng mức tiền phụ cấp trách nhiệm cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Thư ký Công ty năm 2026:

4.1. Tổng số tiền phụ cấp trách nhiệm cho các chức danh thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát và Thư ký Công ty năm 2025 như sau:

- Năm 2025, tiền phụ cấp trách nhiệm cho các chức danh thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Thư ký công ty theo chế độ kiêm nhiệm vẫn tiếp tục thực hiện theo nội dung Nghị quyết số 371-NQ/LICOGI12-HĐQT ngày 05 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng quản trị Công ty về việc: “*Tạm dừng chế độ thanh toán phụ cấp cho các chức danh thành viên Hội đồng quản trị; Ban kiểm soát và Thư ký công ty theo chế độ kiêm nhiệm*”.

4.2. Dự trù tổng mức tiền phụ cấp trách nhiệm cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Thư ký Công ty năm 2026.

Dự trù tổng mức tiền phụ cấp trách nhiệm cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Thư ký Công ty năm 2026: là 0,1 % doanh thu năm 2026.

(Tờ trình quyết toán tiền phụ cấp trách nhiệm và dự trù tổng mức tiền phụ cấp trách nhiệm kèm theo).

Tỷ lệ biểu quyết đồng ý: 4/5 tương đương với 80%.

5. Tờ trình về việc Ban hành Quy chế nội bộ về quản trị Công ty cổ phần LICOGI12 như sau:

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

- Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty cổ phần LICOGI12.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần LICOGI 12 xin trình Đại hội đồng cổ đông về việc ban hành Quy chế nội bộ về quản trị Công ty cổ phần LICOGI 12.

(Bản dự thảo Quy chế nội bộ về quản trị Công ty cổ phần LICOGI 12 chi tiết kèm theo).

Tỷ lệ biểu quyết đồng ý: 4/5 tương đương với 80%.

6. Tờ trình về việc Ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần LICOGI12 như sau:

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;

- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;

- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng Khoán;

- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng;

- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty cổ phần LICOGI 12.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần LICOGI 12 xin trình Đại hội đồng cổ đông về việc ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần LICOGI 12.

(Bản dự thảo Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần LICOGI 12 chi tiết kèm theo)

Tỷ lệ biểu quyết đồng ý: 4/5 tương đương với 80%.

7. Tờ trình về việc Ban hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần LICOGI12 như sau:

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;

- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;

- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng Khoán;

- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng;

- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty cổ phần LICOGI 12.

11-21-2020

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần LICOGI 12 xin trình Đại hội đồng cổ đông về việc ban hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần LICOGI 12.

(Bản dự thảo Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần LICOGI 12 chi tiết kèm theo)

Tỷ lệ biểu quyết đồng ý: 4/5 tương đương với 80%.

8. Tờ trình về Lựa chọn Đơn vị Kiểm toán độc lập để tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính năm 2026 của Công ty cổ phần LICOGI12 như sau:

- Để chọn đơn vị kiểm toán cho báo cáo tài chính năm 2026 của Công ty. Ban kiểm soát Công ty cổ phần LICOGI12 đã họp thống nhất lựa chọn danh sách một số Công ty kiểm toán độc lập, nằm trong danh sách các cho phép hoạt động của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, đủ điều kiện kiểm toán cho báo cáo tài chính năm 2026 của Công ty như sau:

| TT | TÊN CÁC CÔNG TY KIỂM TOÁN | GHI CHÚ |
|----|---|---|
| 1 | Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam (VAE) | Công ty VAE là đơn vị tham gia kiểm toán báo cáo tài chính từ năm 2005 đến năm 2008 của Công ty |
| 2 | Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn A&C (A&C) | |
| 3 | Công ty TNHH Kiểm toán VACO (VACO) | |
| 4 | Công ty TNHH kiểm toán An Việt (An Việt CPA) | Là đơn vị kiểm toán BCTC của công ty năm 2015 |
| 5 | Công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt Nam (CPA) | Công ty CPA là đơn vị tham gia kiểm toán báo cáo tài chính từ năm 2009 đến năm 2014, từ năm 2017 đến năm 2025 của Công ty |

Ban kiểm soát Công ty đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua danh sách các Công ty Kiểm toán độc lập như trên và ủy quyền cho HĐQT quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị đó để tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính năm 2026 của Công ty cổ phần LICOGI12. Trường hợp các đơn vị Kiểm toán nêu trên không đủ điều kiện thực hiện dịch vụ kiểm toán theo quy định của Ủy ban chứng khoán, ủy quyền cho HĐQT lựa chọn đơn vị phù hợp.

(Tờ trình: Lựa chọn Đơn vị Kiểm toán độc lập để tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính năm 2026 của Công ty cổ phần LICOGI12 kèm theo)

Tỷ lệ biểu quyết đồng ý: 4/5 tương đương với 80%.

Điều 2: Chủ tịch HĐQT có trách nhiệm chỉ đạo văn phòng HĐQT và Tổng Giám đốc điều hành Công ty triển khai thực hiện các nội dung trên.

Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký ./.

Nơi nhận:

- Các Thành viên HĐQT, BKS. *mech*
- Tổng Giám đốc điều hành Công ty.
- Lưu.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Ths: *Dương Tuấn Quang*



CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI 12

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

| TÀI SẢN | MS | TM | 31/12/2025 | 01/01/2025 |
|--|------------|------|------------------------|------------------------|
| | | | VND | VND |
| A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150) | 100 | | 341.762.504.393 | 278.105.978.195 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | | 19.508.139.439 | 14.114.141.364 |
| 1. Tiền | 111 | 5.1 | 19.508.139.439 | 14.114.141.364 |
| II. Đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | | - | 3.064.038.356 |
| 3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 123 | 5.2 | - | 3.064.038.356 |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 166.257.914.285 | 146.369.028.431 |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | 5.3 | 166.048.960.189 | 148.518.634.615 |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | 5.4 | 6.664.870.044 | 2.688.508.137 |
| 6. Phải thu ngắn hạn khác | 136 | 5.5 | 15.008.226.546 | 16.626.028.173 |
| 7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 137 | 5.6 | (21.464.142.494) | (21.464.142.494) |
| IV. Hàng tồn kho | 140 | | 150.959.081.844 | 112.799.155.078 |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | 5.7 | 150.959.081.844 | 112.799.155.078 |
| V. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 5.037.368.825 | 1.759.614.966 |
| 2. Thuế GTGT được khấu trừ | 152 | | 2.238.875.502 | - |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 153 | 5.8 | 2.798.493.323 | 1.759.614.966 |
| B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+230+240+250+260) | 200 | | 56.445.760.980 | 51.426.922.424 |
| I. Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | - | - |
| II. Tài sản cố định | 220 | | 50.969.737.150 | 51.292.400.341 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | 5.10 | 46.734.253.281 | 48.051.659.601 |
| - Nguyên giá | 222 | | 175.077.739.606 | 171.680.221.951 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 223 | | (128.343.486.325) | (123.628.562.350) |
| 2. Tài sản cố định thuê tài chính | 224 | 5.11 | 2.916.666.665 | 3.240.740.740 |
| - Nguyên giá | 225 | | 3.240.740.740 | 3.240.740.740 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 226 | | (324.074.075) | - |
| 3. Tài sản cố định vô hình | 227 | 5.12 | 1.318.817.204 | - |
| - Nguyên giá | 228 | | 1.458.685.576 | 138.685.576 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 229 | | (139.868.372) | (138.685.576) |
| III. Bất động sản đầu tư | 230 | | - | - |
| IV. Tài sản dở dang dài hạn | 240 | | 1.326.614.922 | - |
| 2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 242 | 5.9 | 1.326.614.922 | - |
| V. Đầu tư tài chính dài hạn | 250 | | 100.000.000 | 100.000.000 |
| 3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 253 | 5.13 | 100.000.000 | 100.000.000 |
| VI. Tài sản dài hạn khác | 260 | | 4.049.408.908 | 34.522.083 |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | 5.14 | 4.049.408.908 | 34.522.083 |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200) | 270 | | 398.208.265.373 | 329.532.900.619 |

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

| CHỈ TIÊU | MS | TM | Năm 2025 | Năm 2024 |
|--|----|-----|-----------------|-----------------|
| | | | VND | VND |
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | 6.1 | 424.807.659.571 | 350.280.301.516 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | | - | - |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02) | 10 | | 424.807.659.571 | 350.280.301.516 |
| 4. Giá vốn hàng bán | 11 | 6.2 | 398.993.181.711 | 328.055.644.412 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11) | 20 | | 25.814.477.860 | 22.224.657.104 |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | 6.3 | 39.205.073 | 71.779.931 |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | 6.4 | 7.010.310.438 | 7.627.524.327 |
| Trong đó: Chi phí lãi vay | 23 | | 7.010.310.438 | 7.627.524.327 |
| 8. Chi phí bán hàng | 25 | | - | - |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | 6.5 | 14.750.282.043 | 11.347.685.091 |
| 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21-22) + 24 - (25+26)} | 30 | | 4.093.090.452 | 3.321.227.617 |
| 11. Thu nhập khác | 31 | 6.6 | 318.685.949 | 7.443.831 |
| 12. Chi phí khác | 32 | 6.6 | 417.277.415 | 558.923.505 |
| 13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32) | 40 | | (98.591.466) | (551.479.674) |
| 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40) | 50 | | 3.994.498.986 | 2.769.747.943 |
| 15. Chi phí thuế TNDN hiện hành | 51 | 6.7 | 737.071.993 | 760.063.689 |
| 16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52) | 60 | | 3.257.426.993 | 2.009.684.254 |
| 17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | 6.8 | 483 | 298 |

Người lập biểu

Nguyễn Thị Hoài Hiệp

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Chung

Hà Nội ngày 25 tháng 3 năm 2026

Tổng Giám đốc



Dương Mạnh Tùng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

| CHỈ TIÊU | MS | TM | Năm 2025 | Năm 2024 |
|---|----|-----|-------------------|-------------------|
| | | | VND | VND |
| I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh | | | | |
| 1. Lợi nhuận trước thuế | 01 | | 3.994.498.986 | 2.769.747.943 |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản | | | | |
| - Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT | 02 | | 6.906.623.913 | 11.625.362.722 |
| - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư | 05 | | (357.403.053) | (71.779.931) |
| - Chi phí lãi vay | 06 | | 7.010.310.438 | 7.627.524.327 |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | 08 | | 17.554.030.284 | 21.950.855.061 |
| - Tăng, giảm các khoản phải thu | 09 | | (24.747.124.800) | 3.182.789.023 |
| - Tăng, giảm hàng tồn kho | 10 | | (38.159.926.766) | 16.331.449.881 |
| - Tăng, giảm các khoản phải trả | 11 | | 24.972.290.153 | 6.688.423.655 |
| - Tăng, giảm chi phí trả trước | 12 | | (4.014.886.825) | 227.697.982 |
| - Tiền lãi vay đã trả | 14 | | (6.820.397.821) | (7.527.552.481) |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 15 | | - | (760.063.689) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | | (31.216.015.775) | 40.093.599.432 |
| II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư | | | | |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác | 21 | | (6.044.132.577) | (426.450.000) |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác | 22 | | 32.240.000 | - |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác | 23 | | - | (3.000.000.000) |
| 6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 26 | | 3.064.038.356 | - |
| 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | | 39.205.073 | 69.788.734 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | | (2.908.649.148) | (3.356.661.266) |
| III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính | | | | |
| 3. Tiền thu từ đi vay | 33 | | 316.227.059.168 | 236.345.151.151 |
| 4. Tiền trả nợ gốc vay | 34 | | (276.134.956.166) | (259.447.699.441) |
| 5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính | 35 | | (573.440.004) | (596.137.732) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | | 39.518.662.998 | (23.698.686.022) |
| Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+30+40) | 50 | | 5.393.998.075 | 13.038.252.144 |
| Tiền và tương đương tiền đầu năm | 60 | | 14.114.141.364 | 1.075.889.220 |
| Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50+60) | 70 | 5.1 | 19.508.139.439 | 14.114.141.364 |

Người lập biểu

Nguyễn Thị Hoài Hiệp

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Chung

Hà Nội, ngày 25 tháng 3 năm 2026
Tổng Giám đốc



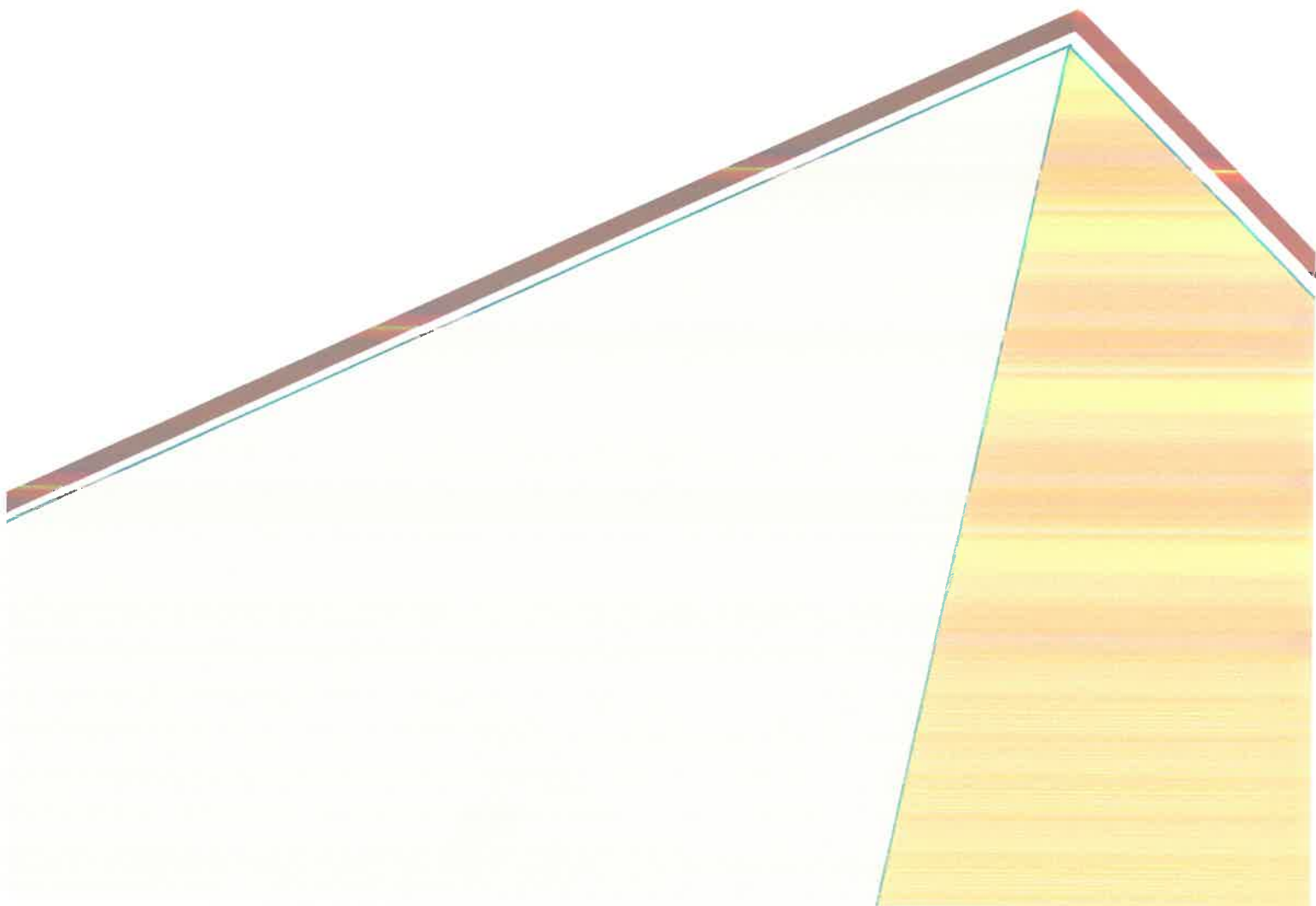
Dương Mạnh Tùng

LICOGI 12

CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI 12

Số 21 Phố Đại Từ, Phường Đại Kim, Quận Hoàng Mai, Hà Nội

KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2026



CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI 12

21 Đại Từ - Định Công - Hà Nội

KẾ HOẠCH KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH CÔNG TY

Năm 2026

| CHỈ TIÊU | Thực hiện năm 2025 | Kế hoạch năm 2026 |
|--|---------------------------|--------------------------|
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 424,807,659,571 | 480,681,000,000 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu dịch vụ (10 = 01 - 02) | | |
| 4. Giá vốn hàng bán | 398,993,181,711 | 450,157,756,500 |
| 5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11) | 25,814,477,860 | 30,523,243,500 |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 39,205,573 | |
| 7. Chi phí tài chính <i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i> | 7,010,310,438 | 9,120,000,000 |
| 8. Chi phí bán hàng | | |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 14,750,282,043 | 16,326,386,016 |
| 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)) | 4,093,090,952 | 5,076,857,484 |
| 11. Thu nhập khác | 318,685,949 | |
| 12. Chi phí khác | 417,276,400 | |
| 13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32) | (98,590,451) | - |
| 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40) | 3,994,500,501 | 5,076,857,484 |
| 15. Chi phí thuế TNDN hiện hành | 737,071,993 | 1,015,371,497 |
| 16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại | | |
| 17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52) | 3,257,428,508 | 4,061,485,988 |
| 18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 483 | 603 |

Hà Nội ngày tháng 02 năm 2026

CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI 12**TỔNG GIÁM ĐỐC**
Dương Mạnh Hùng

CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI 12

21 Đại Từ - Định Công - Hà Nội

KẾ HOẠCH CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP NĂM 2026

| STT | Nội dung | Thực hiện năm 2025 | Kế hoạch năm 2026 |
|------------|---|---------------------------|--------------------------|
| 1 | Chi phí nhân viên | 11,211,791,385 | 12,866,386,016 |
| | <i>a. Lương</i> | 10,405,553,057 | 11,966,386,016 |
| | <i>b. BHXH, BHYT, KPCĐ</i> | 806,238,328 | 900,000,000 |
| 2 | Chi phí đồ dùng văn phòng | 157,884,396 | 160,000,000 |
| 3 | Chi phí xe | 1,294,234,118 | 1,200,000,000 |
| 4 | Chi phí khấu hao văn phòng, thiết bị | 551,292,276 | 600,000,000 |
| 5 | Thuế và lệ phí (thuế môn bài) | 3,000,000 | |
| 6 | Chi phí dự phòng | | |
| 7 | Chi phí dịch vụ mua ngoài | 635,409,006 | 700,000,000 |
| | <i>Điện, nước, điện thoại, CPN, internet, vệ sinh</i> | | |
| 8 | Chi phí bằng tiền khác | 896,670,862 | 800,000,000 |
| | Tổng CPQL | 14,750,282,043 | 16,326,386,016 |
| | Doanh thu | 424,807,659,571 | 480,681,000,000 |
| | CPQL/DT | 3% | 3% |

Hà Nội ngày tháng 02 năm 2026

CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI 12**TỔNG GIÁM ĐỐC**
Dương Mạnh Tùng

KẾ HOẠCH HẠN MỨC TÍN DỤNG NĂM 2026

ĐVT: VND

| STT | Chỉ tiêu | Số tiền | Ghi chú |
|----------|--|-----------------------|---------|
| 1 | Các chỉ tiêu thực hiện năm 2025 | | |
| | Giá trị sản lượng thực hiện | 477,663,662,168 | |
| | Doanh thu | 424,807,659,571 | |
| | Bình quân vốn lưu động thực tế trong năm | 183,475,651,051 | |
| | Lãi vay phát sinh | 7,010,310,438 | |
| | Vòng quay vốn lưu động | 1.40 | |
| | Dư nợ vay ngắn hạn ngân hàng bình quân | 131,054,036,465 | |
| | Trong đó: | | |
| | Ngân hàng đầu tư và phát triển Hà Nội | 54,444,812,241 | |
| | Ngân hàng thương mại cổ phần quân đội | 46,620,920,129 | |
| | Ngân hàng No&PTNT Tây Hà Nội | 29,988,304,095 | |
| 2 | Kế hoạch năm 2026 | | |
| | Giá trị sản lượng thực hiện | 566,172,566,000 | |
| | Khấu hao cơ bản cả năm | 12,000,000,000 | |
| | Thuế GTGT phải nộp cả năm | 5,661,725,660 | |
| | Lợi nhuận định mức | 42,150,000,000 | |
| | Nhu cầu vốn lưu động cần thiết | 361,686,314,529 | |
| | Vòng quay vốn lưu động bình quân | 1.40 | |
| | Vốn tự có, vốn chiếm dụng và vốn thanh toán | 201,686,314,529 | |
| | Dư nợ vay cần duy trì | 160,000,000,000 | |
| | Nhu cầu vốn vay ngân hàng: | 160,000,000,000 | |
| | <i>Ngân hàng TMCP quân đội</i> | <i>60,000,000,000</i> | |
| | <i>Ngân hàng đầu tư và phát triển Hà Nội</i> | <i>70,000,000,000</i> | |
| | <i>Ngân hàng No&PTNT Tây Hà Nội</i> | <i>30,000,000,000</i> | |

Hà Nội ngày tháng 02 năm 2026

CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI 12



TỔNG GIÁM ĐỐC
Dương Mạnh Hùng

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ MÁY MÓC THIẾT BỊ 2026

ĐVT: VNĐ

| Stt | Danh mục đầu tư | Số lượng | Thành tiền | Nguồn vốn | | Dự kiến năm khấu hao |
|-------------|---|----------|-----------------------|-----------------------|----------------------|----------------------|
| | | | | Vay | Tự có/Dự án | |
| I. | Thiết bị thi công nhà cao tầng và thấp tầng | | 24,340,670,455 | 17,038,469,318 | 7,302,201,136 | |
| 1 | Cần trục tháp (sức nâng Max: 8÷10 tấn, đã qua sử dụng) | 2 | 4,000,000,000 | 2,800,000,000 | 1,200,000,000 | 7 năm |
| 2 | Vận thăng lồng đôi (sức nâng 2 tấn/lồng, chiều cao 100m, đã qua sử dụng) | 2 | 2,200,000,000 | 1,540,000,000 | 660,000,000 | 7 năm |
| 3 | Hệ giáo chống sàn Ringlock và phụ kiện (đủ để thi công Công trình có diện tích sàn ~ 2.000 m2) | | 7,162,500,000 | 5,013,750,000 | 2,148,750,000 | 5 năm |
| 4 | Hệ giáo hoàn thiện - Bao che (đủ để thi công Công trình có diện tích sàn ~ 2.000 m2 và cao ~ 25 tầng) | | 7,039,100,455 | 4,927,370,318 | 2,111,730,136 | 5 năm |
| 5 | Thép hộp mạ kẽm các loại (đủ để thi công Công trình có diện tích sàn ~ 2.000 m2) | | 3,939,070,000 | 2,757,349,000 | 1,181,721,000 | 3 năm |
| II. | Máy thiết bị thi công cọc khoan nhồi | | 6,520,000,000 | 4,564,000,000 | 1,956,000,000 | |
| 1 | Cần trục bánh xích (tải trọng max: 45÷55 tấn, đã qua sử dụng) | 2 | 5,400,000,000 | 3,780,000,000 | 1,620,000,000 | 7 năm |
| 2 | Máy phát điện 3pha 150kVA (đã qua sử dụng) | 1 | 250,000,000 | 175,000,000 | 75,000,000 | 7 năm |
| 3 | Máy nén khí trục vít (động cơ diesel, lưu lượng 1m3/ph, đã qua sử dụng) | 1 | 170,000,000 | 119,000,000 | 51,000,000 | 7 năm |
| 4 | Cần khoan đất D445*5*12.5m (lắp cho máy khoan Sany SR200-III) | 1 | 700,000,000 | 490,000,000 | 210,000,000 | 12 năm |
| III. | Phụ kiện thi công cọc khoan nhồi và tường vây | | 3,021,363,636 | 2,114,954,545 | 906,409,091 | |
| 1 | Phụ kiện thi công khoan đá | | 465,000,000 | 325,500,000 | 139,500,000 | 3 năm |



(Handwritten signature)

| | | | | | | |
|---|---------------------------------------|--|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-------|
| 2 | Phụ kiện thi công khoan đất | | 567,000,000 | 396,900,000 | 170,100,000 | 7 năm |
| 3 | Thiết bị phụ kiện thi công tường vây | | 895,000,000 | 626,500,000 | 268,500,000 | 7 năm |
| 4 | Thiết bị chứa dung dịch và đổ bê tông | | 1,094,363,636 | 766,054,545 | 328,309,091 | 7 năm |
| | Tổng cộng | | 33,882,034,091 | 23,717,423,864 | 10,164,610,227 | - |

Ghi chú:

- Giá trị trên chưa bao gồm thuế VAT.

TỔNG GIÁM ĐỐC

Hà Nội, ngày 26 tháng 01 năm 2026
PHÒNG QUẢN LÝ THIẾT BỊ



TỔNG GIÁM ĐỐC
Dương Mạnh Hùng

Nguyễn Văn Sơn



KẾ HOẠCH SẢN LƯỢNG VÀ NGHIỆM THU THANH TOÁN NĂM 2026

Đơn vị tính: 1000 đồng

| STT | Tên công trình | Tên chủ đầu tư | Giá trị Hợp đồng và PLHD | Giá trị còn lại của Hợp đồng | Kế hoạch quý I năm 2026 | | Kế hoạch quý II năm 2026 | | Kế hoạch quý III năm 2026 | | Kế hoạch quý IV năm 2026 | | Kế hoạch năm 2026 | |
|-----|--|--|--------------------------|------------------------------|-------------------------|-----------------------|--------------------------|-----------------------|---------------------------|-----------------------|--------------------------|-----------------------|-------------------|-----------------------|
| | | | | | Sản lượng | Nghiệm thu thanh toán | Sản lượng | Nghiệm thu thanh toán | Sản lượng | Nghiệm thu thanh toán | Sản lượng | Nghiệm thu thanh toán | Sản lượng | Nghiệm thu thanh toán |
| A | Kế hoạch SXKD Công ty cổ phần LICOIGI12 | | | | | | | | | | | | | |
| | Giá trị XXL (kể cả KL do A cấp vật tư) của các công trình cũ | | 103,478,365 | 529,838,239 | 137,636,778 | 121,409,630 | 96,828,577 | 118,357,813 | 149,171,000 | 127,435,188 | 182,536,211 | 118,453,000 | 566,172,566 | 485,655,631 |
| I | Các công trình hạ tầng kỹ thuật, cọc khoan nhồi | | | 51,080,291 | 47,752,644 | 47,621,102 | 3,327,647 | 35,240,813 | - | 15,048,508 | - | - | 51,080,291 | 97,910,423 |
| 1 | Dự án : Khu đô thị sinh thái Bắc Đầm Vạc. Gói thầu : Thi công cọc khoan và tường vây | Công ty cổ phần tập đoàn Galaxy | 18,709,550 | 9,506,398 | 9,506,398 | 2,369,625 | - | 10,771,983 | - | - | - | - | 9,506,398 | 13,141,608 |
| 2 | Dự án: Dự án khu A -Khu đô thị phía Đông huyện Văn Giang (Khu đô thị Modus) | Công ty Cổ phần tập đoàn SCG | 26,200,815 | 10,827,647 | 7,500,000 | 12,731,985 | 3,327,647 | 8,468,830 | - | 5,000,000 | - | - | 10,827,647 | 26,200,815 |
| 3 | Thi công cọc khoan nhồi thí nghiệm, đại trà và tường vây nhà cao tầng CT01 - tại dự án :Khu Nhà ở để bán Phú Diễn | Liên danh công ty công ty CPKD và PT Nhà HN, Công ty TNHH Minh Giang | 58,568,000 | 30,746,246 | 30,746,246 | 32,519,492 | 16,000,000 | 16,000,000 | - | 10,048,508 | - | - | 30,746,246 | 58,568,000 |
| II | Các công trình giao thông | | | 133,086,061 | 36,783,568 | 20,757,528 | 33,000,930 | 31,800,000 | 27,671,000 | 26,386,680 | 18,393,000 | 17,122,000 | 115,848,498 | 96,065,208 |
| 1 | Các Hợp đồng dự án: Quảng trường biến thành phố Sầm Sơn | Công ty TNHH xây dựng dân dụng Olympia | 353,777,137 | - | 2,806,597 | - | - | - | - | - | - | - | - | 2,806,597 |
| 2 | Dự án Đầu tư xây dựng đường Hồ Chí Minh đoạn Rạch Sỏi - Bến Nhất : Gò Quao - Vĩnh Thuận | Công ty Cổ phần cầu đường NEWSUN | 138,039,870 | 72,630,563 | 11,500,000 | 10,600,000 | 13,000,000 | 11,200,000 | 12,500,000 | 9,800,000 | 18,393,000 | 17,122,000 | 55,393,000 | 48,722,000 |
| 3 | Đầu tư xây dựng Khu du lịch nghỉ dưỡng Quốc tế 5 sao Hồ Núi Cốc - Giai đoạn 1 | Công ty CP Xây dựng và thương mại Pros | 150,772,159 | 5,000,000 | 5,000,000 | - | 5,000,000 | - | - | - | - | - | 5,000,000 | 5,000,000 |
| 4 | Dự án Khu đô thị Kim Phú - Tuyến Quang. Gói thầu : Thi công xây dựng cảnh quan cứng và các khu CX3 - CX18 | Công ty cổ phần tập đoàn Sun Times | 60,741,232 | 55,171,930 | 20,000,000 | 3,713,320 | 20,000,930 | 15,600,000 | 15,171,000 | 16,586,680 | - | - | 55,171,930 | 35,900,000 |
| 5 | Gói thầu "Thi công cọc thí nghiệm, cọc đại trà (bao gồm cả thí nghiệm cọc) - Nhà ở xã hội tại dự án : Tổ hợp thương mại Melinh Plaza Thanh Hóa | Công ty TNHH Xây dựng và Quản lý dự án Hồ Tây | 2,940,265 | - | - | 2,354,000 | - | - | - | - | - | - | - | 2,354,000 |
| 6 | Gói thầu : Thi công xử lý vị trí sụt trượt khu vực sau nhà ND3 thuộc dự án : Tổ hợp nghỉ dưỡng cao cấp Flamingo Cát Bà Beach Resort | Công ty cổ phần tập đoàn Flamingo | 1,283,611 | 283,568 | 283,568 | 1,283,611 | - | - | - | - | - | - | 283,568 | 1,283,611 |



| STT | Tên công trình | Tên chủ đầu tư | Giá trị Hợp đồng và PLHD | Giá trị còn lại của Hợp đồng | Kế hoạch quý I năm 2026 | | Kế hoạch quý II năm 2026 | | Kế hoạch quý III năm 2026 | | Kế hoạch quý IV năm 2026 | | Kế hoạch năm 2026 | |
|-----|---|---|--------------------------|------------------------------|-------------------------|-----------------------|--------------------------|-----------------------|---------------------------|-----------------------|--------------------------|-----------------------|-------------------|-----------------------|
| | | | | | Sản lượng | Nghiệm thu thanh toán | Sản lượng | Nghiệm thu thanh toán | Sản lượng | Nghiệm thu thanh toán | Sản lượng | Nghiệm thu thanh toán | Sản lượng | Nghiệm thu thanh toán |
| III | Các công trình xây dựng dân dụng | | 950,385,136 | 345,671,887 | 53,100,566 | 53,031,000 | 60,500,000 | 51,317,000 | 81,500,000 | 58,000,000 | 94,143,211 | 59,331,000 | 289,243,777 | 221,679,000 |
| 1 | Thi công móng, kết cấu thân thô và hoàn thiện cơ bản toà CT1 | Công ty cổ phần xây dựng và thương mại Thành Ngân | 134,212,113 | - | - | 1,000,000 | - | - | - | - | - | - | - | 1,000,000 |
| 2 | Thi công móng, kết cấu thân thô và hoàn thiện cơ bản toà CT3 | Công ty cổ phần xây dựng và thương mại Thành Ngân | 80,793,410 | 3,600,000 | 3,600,000 | 5,000,000 | - | 6,617,000 | - | - | - | - | 3,600,000 | 11,617,000 |
| 3 | Nhà máy chế biến thức ăn chăn nuôi cao cấp Nutreco Hà Tĩnh | Công ty Cổ phần Tập đoàn DABACO Việt Nam | 122,651,566 | 92,651,566 | 20,000,566 | 15,600,000 | 22,000,000 | 18,500,000 | 26,500,000 | 21,000,000 | 24,151,000 | 19,831,000 | 92,651,566 | 74,931,000 |
| 4 | Thi công xây dựng phần móng, kết cấu hầm; chống thấm, kết cấu phần thân thuộc dự án: Khu Resort Bắc Đảo Lan Châu | Công ty Cổ phần đầu tư BĐS Âu Lạc Nghệ An | 81,592,211 | 79,992,211 | - | - | 10,000,000 | - | 30,000,000 | 15,500,000 | 39,992,211 | 16,000,000 | 79,992,211 | 31,500,000 |
| 5 | Thi công kết cấu, hoàn thiện thô và MEP 52 căn liên kề-Cam Ranh | Công ty cổ phần Xây dựng IKCONS | 58,489,726 | - | - | 2,500,000 | - | - | - | - | - | - | - | 2,500,000 |
| 6 | Thi công kết cấu, hoàn thiện mặt ngoài và MEP thô và Hàng rào cho 60 căn nhà Phố + tường chắn + kết cấu móng 450 căn - Phần kỹ 1,3,4,5,12,13 | Công ty cổ phần Xây dựng IKCONS | 242,646,110 | 156,428,110 | 20,000,000 | 20,000,000 | 25,000,000 | 20,000,000 | 25,000,000 | 21,500,000 | 30,000,000 | 23,500,000 | 100,000,000 | 85,000,000 |
| 7 | Gói thầu Thi công phần ngầm đến Cos 0,00m tại dự án: Tháp trung tâm thương mại, tài chính và căn hộ đa chức năng quảng trường Hùng Vương - Vic Grand Square - Hàng mục: Phần Ngầm | Công ty cổ phần địa ốc Vic Phú Thọ | 230,000,000 | 13,000,000 | 9,500,000 | 6,800,000 | 3,500,000 | 6,200,000 | - | - | - | - | 13,000,000 | 13,000,000 |
| 8 | Các công trình Nhà máy Bột giấy Quảng Ngãi | Công ty cổ phần Bột Giấy VNT19 | - | - | - | 2,131,000 | - | - | - | - | - | - | - | 2,131,000 |
| B | Mục tiêu trùng thầu phục vụ KHSKKD năm 2026 | | 850,000,000 | - | - | - | - | - | 40,000,000 | 28,000,000 | 70,000,000 | 42,000,000 | 110,000,000 | 70,000,000 |
| 1 | Các công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp | | 500,000,000 | - | - | - | - | - | 20,000,000 | 14,000,000 | 30,000,000 | 20,000,000 | 50,000,000 | 34,000,000 |
| 2 | Các công trình cơ sở hạ tầng và công nghiệp | | 150,000,000 | - | - | - | - | - | 10,000,000 | 7,000,000 | 20,000,000 | 11,000,000 | 30,000,000 | 18,000,000 |
| 3 | Các công trình hạ tầng và giao thông | | 200,000,000 | - | - | - | - | - | 10,000,000 | 7,000,000 | 20,000,000 | 11,000,000 | 30,000,000 | 18,000,000 |

P. KINH TẾ KỸ THUẬT




TỔNG GIÁM ĐỐC
Dương Mạnh Hùng

CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI12
Mã số doanh nghiệp: 01 001 06433
Địa chỉ: Số 21, Phố Đại Từ, Phường Định Công, TP
Hà Nội.
ĐT: 0243.8687781; FAX: 0243.8685014;
Website: www.licogi12.com
Số: 108 -TT/LICOGI12-HĐQT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 07 tháng 04 năm 2026.

TỜ TRÌNH

V/v: *Phương án phân chia lợi nhuận năm 2025.*

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên lần thứ 22 năm 2026.

- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty cổ phần LICOGI12.
- Căn cứ Báo cáo Tài chính năm 2025 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt Nam.
- Căn cứ Nghị quyết số 107-NQ/LICOGI12-HĐQT ngày 07/04/2026 về Nội dung các vấn đề đưa ra trình ĐHĐCĐ thường niên lần thứ 22 năm 2026.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần LICOGI12 kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm tài chính 2025 như sau:

| | | |
|---|--|---------------------|
| + Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2025 | | 3.257.426.993 |
| + Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến hết 2025 | | 11.379.710.941 |
| + Vốn cổ phần hiện hành. | | 67.388.710.000 |
| + Tổng số cổ phần hiện có đến ngày 25/03/2026 (không tính cổ phiếu quỹ) | | 6.738.871 cổ phần |
| + Cổ tức năm 2025 | | 500 VNĐ/cổ phần |
| + Tỷ lệ chia cổ tức | | 5% mệnh giá cổ phần |

- Thời gian chi trả cổ tức: Trong tháng 10 năm 2026

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ths: Dương Xuân Quang

CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI12
Mã số doanh nghiệp: 01 001 06433
Địa chỉ: Số 21, Phố Đại Từ, Phường Định Công,
TP Hà Nội.
ĐT: 0243.8687781; FAX: 0243.8685014
Số: 110-TT/LICOGI12-HĐQT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 07 tháng 04 năm 2026.

TỜ TRÌNH

V/v: Ban hành Quy chế nội bộ về quản trị Công ty cổ phần LICOGI 12.

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên lần thứ 22 năm 2026.

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty cổ phần LICOGI12.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần LICOGI 12 xin trình Đại hội đồng cổ đông về việc ban hành Quy chế nội bộ về quản trị Công ty cổ phần LICOGI 12.

(Bản dự thảo Quy chế nội bộ về quản trị Công ty cổ phần LICOGI 12 chi tiết kèm theo)

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần LICOGI 12 xin trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc ban hành Quy chế nội bộ về quản trị Công ty cổ phần LICOGI 12.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY



CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Ths: Dương Xuân Quang

CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI12
Mã số doanh nghiệp: 01 001 06433
Địa chỉ: Số 21, Phố Đại Từ, Phường Định Công,
TP Hà Nội.
ĐT: 0243.8687781; FAX: 0243.8685014
Số: 111-TT/LICOGI12-HĐQT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 07 tháng 04 năm 2026.

TỜ TRÌNH

V/v: Ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần LICOGI 12.

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên lần thứ 22 năm 2026.

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng Khoán;
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng;
- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty cổ phần LICOGI 12.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần LICOGI 12 xin trình Đại hội đồng cổ đông về việc ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần LICOGI 12.

(Bản dự thảo Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần LICOGI 12 chi tiết kèm theo)

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần LICOGI 12 xin trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần LICOGI 12.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY



CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Ths: Dương Xuân Quang

CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI12
Mã số doanh nghiệp: 01 001 06433
Địa chỉ: Số 21, Phố Đại Từ, Phường Định Công,
TP Hà Nội.
ĐT: 0243.8687781; FAX: 0243.8685014
Số: 112-TT/LICOGI12-HĐQT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 07 tháng 04 năm 2026.

TỜ TRÌNH

V/v: Ban hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần LICOGI 12.

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên lần thứ 22 năm 2026.

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng Khoán;
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng;
- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty cổ phần LICOGI 12.

Ban kiểm soát Công ty cổ phần LICOGI 12 xin trình Đại hội đồng cổ đông về việc ban hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần LICOGI 12.

(Bản dự thảo Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần LICOGI 12 chi tiết kèm theo)

Ban kiểm soát Công ty cổ phần LICOGI 12 xin trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc ban hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần LICOGI 12.

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT CÔNG TY



TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT
Ngô Hương Lan

CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI12
Mã số doanh nghiệp: 01 001 06433
Địa chỉ: Số 21, Phố Đại Từ, Phường Đại Kim,
Quận Hoàng Mai, TP Hà Nội.
ĐT: 0243.8687781; FAX: 0243.8685014;
Website: www.licogi12.com
Số: 113-TT/LICOGI12-HĐQT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 07 tháng 04 năm 2026.

TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua danh sách các Công ty Kiểm toán độc lập và ủy quyền cho HĐQT quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị đó để tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính năm 2026 của Công ty cổ phần LICOGI12

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên lần thứ 22 năm 2026
Công ty cổ phần LICOGI12.

- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần LICOGI12.
- Căn cứ Nghị quyết số 107-NQ/LICOGI12-HĐQT ngày 07/04/2026 về Nội dung các vấn đề đưa ra trình ĐHCĐ thường niên lần thứ 22 năm 2026.

- Để chọn đơn vị kiểm toán cho báo cáo tài chính năm 2026 của Công ty. Ban kiểm soát Công ty cổ phần LICOGI12 đã họp thống nhất lựa chọn danh sách một số Công ty kiểm toán độc lập, nằm trong danh sách các cho phép hoạt động của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, đủ điều kiện kiểm toán cho báo cáo tài chính năm 2026 của Công ty như sau:

| TT | TÊN CÁC CÔNG TY KIỂM TOÁN | GHI CHÚ |
|----|---|---|
| 1 | Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam (VAE) | Công ty VAE là đơn vị tham gia kiểm toán báo cáo tài chính từ năm 2005 đến năm 2008 của Công ty |
| 2 | Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn A&C (A&C) | |
| 3 | Công ty TNHH Kiểm toán VACO (VACO) | |
| 4 | Công ty TNHH kiểm toán An Việt (An Việt CPA) | Là đơn vị kiểm toán BCTC của công ty năm 2015 |
| 5 | Công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt Nam (CPA) | Công ty CPA là đơn vị tham gia kiểm toán báo cáo tài chính từ năm 2009 đến năm 2014, từ năm 2017 đến năm 2025 của Công ty |

Ban kiểm soát Công ty đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua danh sách các Công ty Kiểm toán độc lập như trên và ủy quyền cho HĐQT quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị đó để tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính năm 2026 của Công ty cổ phần LICOGI12. Trường hợp các đơn vị Kiểm toán nêu trên không đủ điều kiện thực hiện dịch vụ kiểm toán theo quy định của Ủy ban chứng khoán, ủy quyền cho HĐQT lựa chọn đơn vị phù hợp.

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT CÔNG TY



TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT
Ngô Hương Lan

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG
CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI12
(DỰ THẢO)

*(Ban hành kèm theo Quyết định số-QĐ/LICOGI 12-HĐQT ngày ... tháng ...
năm 2026 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần LICOGI 12)*

Hà Nội, ngày tháng ... năm 2026

CHƯƠNG 1 – QUI ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị nhằm hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng:

Quy chế này được áp dụng cho Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với sự phát triển của Công ty.

2. Hội đồng quản trị giao trách nhiệm cho Tổng Giám đốc tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 3. Giải thích thuật ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Công ty* là Công ty cổ phần LICOGI 12.

2. *Cổ đông lớn* là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán.

3. *Người quản lý doanh nghiệp* hoặc *Người quản lý* là Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Trưởng Ban Kiểm soát, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng.

4. *Người điều hành doanh nghiệp* hoặc *Người điều hành* là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng;

5. *Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành* (sau đây gọi là *thành viên không điều hành*) là thành viên Hội đồng quản trị không phải là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và những người quản lý khác theo quy định của Điều lệ công ty.

6. *Thành viên độc lập Hội đồng quản trị* (sau đây gọi là *thành viên độc lập*) là thành viên Hội đồng quản trị đáp ứng các điều kiện và tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp.

7. *Người phụ trách quản trị công ty* là người có trách nhiệm và quyền hạn được

quy định tại Điều lệ và Quy chế này.

8. *Người có liên quan* là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán.

9. *Thông tin nội bộ* là thông tin liên quan đến công ty chưa được công bố mà nếu được công bố có thể ảnh hưởng lớn đến giá chứng khoán của công ty.

10. *Người nội bộ* là người giữ vị trí quan trọng trong bộ máy quản trị, điều hành của công ty, bao gồm: Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị; Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý tương đương do Đại hội đồng cổ đông bầu hoặc Hội đồng quản trị bổ nhiệm; Trưởng Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát; Thư ký công ty, Người phụ trách quản trị công ty, Người được ủy quyền công bố thông tin;

11. *Luật Doanh nghiệp* là Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020.

12. *Luật Chứng khoán* là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019

13. *Ngày thành lập* là ngày Công ty cổ phần LICOGI 12 được cấp Giấy phép thành lập và hoạt động lần đầu.

14. *Ngày đăng ký cuối cùng* là ngày đăng ký cuối cùng để tham dự Đại hội đồng cổ đông;

15. *Ban điều hành* bao gồm Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng.

CHƯƠNG II - THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ công ty và các nghĩa vụ sau:

a) Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công ty;

b) Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;

c) Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;

d) Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật.

3. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị của công ty niêm yết phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị.

Điều 5. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người quản lý khác trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của đơn vị trong Công ty.

2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin do Điều lệ công ty quy định.

Điều 6. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có 05 thành viên. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

3. Việc miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện theo quy định tại Quy chế này và Điều lệ Công ty.

Điều 7. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị

Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

1. Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp 2020;

2. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của công ty;

3. Thành viên Hội đồng quản trị công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác;

Điều 8. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty không được kiêm nhiệm Tổng Giám đốc.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ được quy định tại Điều lệ công

ty

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị bãi miễn.

5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

6. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm thư ký công ty. Thư ký công ty có quyền và nghĩa vụ được quy định tại Điều lệ công ty

Điều 9. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp, Điều 26 của Điều lệ Công ty;
- b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
- c) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- b) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.

3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;

c) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 10. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền gộp số quyền biểu quyết đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% được đề cử tối đa một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% trở lên được đề cử đủ số thành viên cần bầu.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

4. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo nguyên tắc bỏ phiếu.

Điều 11. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải

công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
- đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;
- g) Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Điều 12. Lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty

1. Tiêu chuẩn của Người phụ trách quản trị công ty

- Người phụ trách quản trị công ty của Công ty phải là người có hiểu biết về pháp luật, không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.

- Người phụ trách quản trị công ty của Công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký Công ty.

2. Việc bổ nhiệm Người phụ trách quản trị công ty

Hội đồng quản trị bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp.

3. Các trường hợp miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty

a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Người phụ trách quản trị công ty theo quy định tại Khoản 1 Điều này.

- b) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công.
- c) Có đơn từ chức và được chấp thuận.

4. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm người phụ trách quản trị công ty

Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty phải được thông báo theo quy định của Điều lệ Công ty, Luật doanh nghiệp và Luật chứng khoán.

5. Quyền và nghĩa vụ của Người phụ trách quản trị công ty

- a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
- b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
- c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
- d) Tham dự các cuộc họp;
- đ) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
- e) Cung cấp các thông tin tài chính, biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;
- f) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;
- g) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
- h) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật;
- i) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG III - HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 13. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Các quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị được quy định chi tiết tại Điều 23 Điều lệ công ty.

Điều 14. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch

1. Hội đồng quản trị có quyền phê duyệt các hợp đồng kinh tế, vay, cho vay, bán tài sản, giao dịch với bên có liên quan có giá trị lớn (thường dưới 35% tổng tài sản, nếu cao hơn phải do Đại hội đồng cổ đông phê duyệt)..

2. Thông qua các kế hoạch, chiến lược, dự án đầu tư, thành lập chi nhánh, công ty con, và các hợp đồng mua sắm, nâng cấp tài sản cố định.

3. Hội đồng quản trị chỉ đạo và giám sát người đại diện (Tổng Giám đốc) trong việc triển khai các hợp đồng đã được phê duyệt, bảo đảm đúng mục đích, hiệu quả và tuân thủ quy định pháp luật.

4. Quyết định các giải pháp điều tiết nguồn vốn, tài sản để bảo đảm an toàn, minh bạch trong các giao dịch tài chính

Điều 15. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường khi xét thấy cần thiết vì lợi ích công ty, khi xảy ra các điều kiện khiến số lượng thành viên Hội đồng quản trị giảm xuống dưới mức tối thiểu theo quy định tại Điều lệ và pháp luật, khi có yêu cầu của Ban kiểm soát, của cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 11 Điều lệ công ty.

2. Trình tự, thủ tục, thời hạn và điều kiện triệu tập cuộc họp Hội đồng quản trị phải đáp ứng quy định tại Điều lệ Công ty.

CHƯƠNG IV - CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 16. Cuộc họp Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.

Trình tự, thủ tục, thời hạn và các điều kiện tiến hành cuộc họp Hội đồng quản trị thực hiện theo quy định tại Điều 27 Điều lệ công ty.

Điều 17. Biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian, địa điểm họp;
- c) Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- đ) Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- e) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;

f) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

g) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

h) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.

3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.

5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

CHƯƠNG V - BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH

Điều 18. Trình báo cáo hằng năm

1. Kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo sau đây:

- a) Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty;
- b) Báo cáo tài chính;
- c) Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty;
- d) Báo cáo thẩm định của Ban Kiểm soát.

2. Báo cáo quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất là 30 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ công ty không có quy định khác.

3. Báo cáo quy định tại các khoản 1, 2 Điều này, báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ công ty không quy định thời hạn khác dài hơn.

Điều 19. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết

quả và hiệu quả kinh doanh phù hợp theo quy định pháp luật và theo quy định tại Điều lệ công ty.

Điều 20. Công khai các lợi ích liên quan

Trường hợp Điều lệ công ty không có quy định khác chặt chẽ hơn, việc công khai lợi ích và người có liên quan của Công ty thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty phải kê khai cho công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Hội đồng quản trị nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.

CHƯƠNG VI - MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 21. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị

1. Quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị là quan hệ phối hợp, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.

2. Trong quá trình xử lý công việc, thành viên Hội đồng quản trị được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên Hội đồng quản trị khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên Hội đồng quản trị còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và Quy chế này.

3. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên Hội đồng quản trị thì các thành viên Hội đồng quản trị phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc bàn giao đó.

Điều 22. Phân công công việc giữa các thành viên Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị

a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ trì các cuộc họp của Hội đồng quản trị để thảo luận và biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

c) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

d) Ký các Nghị quyết, Quyết định và các văn bản khác thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

e) Tổ chức việc thông qua, triển khai thực hiện và giám sát quá trình tổ chức thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị của Ban Tổng Giám đốc;

f) Phụ trách công tác giám sát của Hội đồng quản trị đối với quá trình tổ chức thực hiện Kế hoạch kinh doanh và Kế hoạch đầu tư của đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua; giám sát quá trình tổ chức thực hiện Quy chế quản trị công ty.

g) Phụ trách công tác rà soát, sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới Quy chế quản trị công ty, Quy chế đầu tư tài chính. Phối hợp với các thành viên Hội đồng quản trị khác thực hiện công tác rà soát, sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới các Quy chế khác thuộc thẩm quyền ban hành của Hội đồng quản trị;

h) Có thể được Hội đồng quản trị ủy quyền, có quyền quyết định trong phạm vi được Hội đồng quản trị ủy quyền và chịu trách nhiệm về quyết định của mình;

i) Phụ trách công tác đối ngoại của Hội đồng quản trị; tham gia cùng Ban Điều hành thực hiện công tác đối ngoại của Ban Điều hành khi xét thấy cần thiết hoặc theo đề xuất của Ban Điều hành;

j) Phối hợp với các thành viên Hội đồng quản trị khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ chung của Hội đồng quản trị;

k) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều lệ.

2. Thành viên Hội đồng quản trị là Tổng giám đốc

a) Lãnh đạo, quản lý, điều hành các hoạt động kinh doanh của theo đúng các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông đồng thời chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông về Quyết định của

mình;

b) Tổ chức thực hiện Kế hoạch kinh doanh và Kế hoạch đầu tư của đã được Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông thông qua;

c) Tổ chức thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị Đại hội đồng cổ đông thông qua;

d) Tổ chức thực hiện Quy chế quản trị công ty, Quy chế quản lý tài chính, Quy chế đầu tư tài chính, Quy chế quản lý rủi ro và Quy chế Tiền lương, tiền thưởng;

e) Phối hợp với Chủ tịch Hội đồng quản trị với hiện thực hiện công tác xem xét, thẩm định, đánh giá các giải pháp phát triển thị trường, công nghệ thông tin trình Hội đồng quản trị quyết định;

f) Phối hợp với các thành viên Hội đồng quản trị khác thực hiện công tác rà soát, sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới các Quy chế thuộc thẩm quyền ban hành của Hội đồng quản trị;

g) Phụ trách công tác chuẩn bị, cung cấp đầy đủ, toàn diện các cơ sở vật chất, kỹ thuật cần thiết để tổ chức các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông theo chương trình, kế hoạch hoạt động đã được Chủ tịch Hội đồng quản trị xây dựng được Hội đồng quản trị phê duyệt; hỗ trợ các thành viên Hội đồng quản trị trong quá trình thực hiện công việc được Hội đồng quản trị phân công;

h) Trình Hội đồng quản trị, bãi nhiệm, khen thưởng và kỷ luật người điều hành; đề xuất để Hội đồng quản trị quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động với các cán bộ đó; đề xuất Hội đồng quản trị quyết định thành lập hay giải thể các đơn vị thành viên, các chi nhánh .v.v. trong từng giai đoạn theo nhu cầu thực tiễn phát sinh;

i) Tham gia công tác đối ngoại của Hội đồng quản trị;

j) Phối hợp với các thành viên Hội đồng quản trị khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ chung của Hội đồng quản trị;

k) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác của thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều lệ.

3. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị

a) Phối hợp với Chủ tịch Hội đồng quản trị giám sát quá trình tổ chức thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị, giám sát quá trình tổ chức thực hiện Kế hoạch kinh doanh và Kế hoạch đầu tư của đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

b) Phụ trách công tác giám sát của Hội đồng quản trị đối với toàn bộ hoạt động quản trị, điều hành của Ban Điều hành, làm giảm nguy cơ lạm dụng quyền hạn của

những người quản lý, điều hành, góp phần bảo vệ lợi ích chính đáng của cổ đông;

c) Phụ trách công tác giám sát của Hội đồng quản trị đối với quá trình tổ chức thực hiện Quy chế Tiền lương, tiền thưởng;

d) Phụ trách công tác rà soát, sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới Quy chế Tiền lương, tiền thưởng. Phối hợp với các thành viên Hội đồng quản trị khác thực hiện công tác rà soát, sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới các Quy chế khác thuộc thẩm quyền ban hành của Hội đồng quản trị;

e) Theo dõi hoạt động của Hội đồng quản trị, cho ý kiến nhằm bảo đảm Hội đồng quản trị có thể đưa ra được những quyết định không thiên vị, công khai, minh bạch, không gây xung đột về lợi ích giữa các cổ đông, bảo vệ được cổ đông nhỏ, tạo ra đối trọng để hài hòa lợi ích giữa các nhóm cổ đông;

f) Đưa ra các ý kiến độc lập về chiến lược, cũng như giám sát nhà quản lý nhằm bảo vệ sự công bằng cho cổ đông nhỏ và vì quyền lợi của các cổ đông;

g) Tham gia công tác đối ngoại của Hội đồng quản trị, Ban Điều hành theo đề xuất của Chủ tịch Hội đồng quản trị của hoặc Tổng Giám đốc;

h) Phối hợp với các thành viên Hội đồng quản trị khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ chung của Hội đồng quản trị;

i) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác của thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều lệ.

4. Các thành viên Hội đồng quản trị khác

a) Phối hợp với Chủ tịch Hội đồng quản trị giám sát quá trình tổ chức thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị, giám sát quá trình tổ chức thực hiện Kế hoạch kinh doanh và Kế hoạch đầu tư của công ty đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

b) Phụ trách công tác giám sát của Hội đồng quản trị đối với quá trình tổ chức thực hiện các Quy chế do Hội đồng quản trị ban hành theo phân công của Hội đồng quản trị trong từng giai đoạn cụ thể;

c) Phụ trách công tác rà soát, sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới các Quy chế do Hội đồng quản trị ban hành theo phân công của Hội đồng quản trị trong từng giai đoạn cụ thể;

d) Phối hợp với Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc hợp với thực hiện công tác xem xét, thẩm định, đánh giá các vấn đề liên quan để trình Hội đồng quản trị quyết định theo phân công của Hội đồng quản trị trong từng giai đoạn cụ thể;

e) Phụ trách tiếp nhận, xử lý các tố cáo, khiếu nại gửi đến Hội đồng quản trị; chủ trì công tác giải quyết các tố cáo, khiếu nại thuộc thẩm quyền giải quyết của Hội

đồng quản trị theo phân công của Hội đồng quản trị trong từng giai đoạn cụ thể;

f) Tham gia công tác đối ngoại của Hội đồng quản trị, Ban Điều hành theo yêu cầu của Chủ tịch Hội đồng quản trị của hoặc đề xuất của Tổng Giám đốc;

g) Thực hiện các công việc khác theo phân công của Hội đồng quản trị trong từng giai đoạn cụ thể;

h) Phối hợp với các thành viên thành viên Hội đồng quản trị khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ chung của Hội đồng quản trị.

Điều 23. Mọi quan hệ với Ban Điều hành

Với vai trò quản trị, Hội đồng quản trị ban hành các nghị quyết để Tổng giám đốc và bộ máy điều hành thực hiện. Đồng thời, Hội đồng quản trị kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết.

Điều 24. Mọi quan hệ với Ban Kiểm soát

1. Mọi quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị với Ban Kiểm soát theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.

2. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.

CHƯƠNG VII - ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 25. Hiệu lực thi hành

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần LICOGI 12 bao gồm 7 chương, 25 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày...tháng...năm 2026.

Nơi nhận:

- HĐQT, BKS;
- Lưu VPHĐQT

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

MỤC LỤC

| | |
|--|----|
| CHƯƠNG 1 – QUI ĐỊNH CHUNG | 1 |
| Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng..... | 1 |
| Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị..... | 1 |
| Điều 3. Giải thích thuật ngữ..... | 1 |
| CHƯƠNG II - THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ..... | 2 |
| Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị | 2 |
| Điều 5. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị | 3 |
| Điều 6. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị | 3 |
| Điều 7. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị..... | 3 |
| Điều 8. Chủ tịch Hội đồng quản trị..... | 3 |
| Điều 9. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị..... | 4 |
| Điều 10. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị | 5 |
| Điều 11. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị | 5 |
| Điều 12. Lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty..... | 6 |
| CHƯƠNG III - HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ..... | 7 |
| Điều 13. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị..... | 7 |
| Điều 14. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch | 7 |
| Điều 15. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường..... | 8 |
| CHƯƠNG IV - CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ..... | 8 |
| Điều 16. Cuộc họp Hội đồng quản trị | 8 |
| Điều 17. Biên bản họp Hội đồng quản trị | 8 |
| CHƯƠNG V - BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH | 9 |
| Điều 18. Trình báo cáo hằng năm..... | 9 |
| Điều 19. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị | 9 |
| Điều 20. Công khai các lợi ích liên quan..... | 10 |
| CHƯƠNG VI - MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ..... | 10 |
| Điều 21. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị | 10 |
| Điều 22. Phân công công việc giữa các thành viên Hội đồng quản trị | 11 |
| Điều 23. Mối quan hệ với Ban Điều hành | 14 |
| Điều 24. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát..... | 14 |
| CHƯƠNG VII - ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH..... | 14 |
| Điều 25. Hiệu lực thi hành..... | 14 |

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG
CỦA BAN KIỂM SOÁT
CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI12
(DỰ THẢO)

*(Ban hành kèm theo Quyết định số-QĐ/LICOGI 12-HĐQT ngày ... tháng ...
năm 2026 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần LICOGI 12)*

Hà Nội, ngày tháng ... năm 2026

CHƯƠNG 1 – QUI ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát nhằm hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng:

Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát được áp dụng cho Ban kiểm soát và các thành viên Ban Kiểm soát.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Ban Kiểm soát

Ban kiểm soát làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Ban kiểm soát chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các công việc, quyết định của Ban Kiểm soát.

Điều 3. Giải thích thuật ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Công ty* là Công ty cổ phần LICOGI 12.
2. *Cổ đông lớn* là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán.
3. *Người quản lý doanh nghiệp* hoặc *Người quản lý* là Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Trưởng Ban Kiểm soát, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng.
4. *Người điều hành doanh nghiệp* hoặc *Người điều hành* là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng;
5. *Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành* (sau đây gọi là *thành viên không điều hành*) là thành viên Hội đồng quản trị không phải là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và những người quản lý khác theo quy định của Điều lệ công ty.
6. *Thành viên độc lập Hội đồng quản trị* (sau đây gọi là *thành viên độc lập*) là thành viên Hội đồng quản trị đáp ứng các điều kiện và tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp.
7. *Người phụ trách quản trị công ty* là người có trách nhiệm và quyền hạn được quy định tại Điều lệ và Quy chế này.
8. *Người có liên quan* là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán.
9. *Thông tin nội bộ* là thông tin liên quan đến công ty chưa được công bố mà

nếu được công bố có thể ảnh hưởng lớn đến giá chứng khoán của công ty.

10. *Người nội bộ* là người giữ vị trí quan trọng trong bộ máy quản trị, điều hành của công ty, bao gồm: Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị; Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý tương đương do Đại hội đồng cổ đông bầu hoặc Hội đồng quản trị bổ nhiệm; Trưởng Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát; Thư ký công ty, Người phụ trách quản trị công ty, Người được ủy quyền công bố thông tin;

11. *Luật Doanh nghiệp* là Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020.

12. *Luật Chứng khoán* là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019

13. *Ngày thành lập* là ngày Công ty cổ phần LICOGI 12 được cấp Giấy phép thành lập và hoạt động lần đầu.

14. *Ngày đăng ký cuối cùng* là ngày đăng ký cuối cùng để tham dự Đại hội đồng cổ đông;

15. *Ban điều hành* bao gồm Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng.

CHƯƠNG II - THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT (KIỂM SOÁT VIÊN)

Điều 4. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban Kiểm soát

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ công ty, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.

2. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty.

3. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

4. Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

5. Trường hợp vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì thành viên Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban Kiểm soát có được do vi phạm phải hoàn trả cho Công ty.

6. Trường hợp phát hiện có thành viên Ban kiểm soát vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát có 03 thành viên. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát

không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Trường hợp tất cả thành viên Ban kiểm soát cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Ban kiểm soát cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

3. Việc miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định tại Quy chế này và Điều lệ Công ty.

Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát

Thành viên Ban kiểm soát phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

1. Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp 2020;

2. Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp;

3. Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác;

4. Không phải là người quản lý công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của công ty;

5. Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ công ty.

Điều 7. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên, phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại công ty.

2. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số.

3. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát do Điều lệ công ty quy định.

Điều 8. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát

1. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Kiểm soát viên. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% được đề cử tối đa một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% trở lên được bầu đủ số thành viên Ban kiểm soát.

2. Trường hợp số lượng ứng viên Kiểm soát viên thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể giới thiệu thêm ứng cử viên. Việc Ban Kiểm soát giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Việc biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban Kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

3. Đại hội đồng cổ đông có thể xem xét miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát trong theo quy định tại Điều 41 Điều lệ Công ty cổ phần LICOGI 12

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban kiểm soát, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của công ty nếu được bầu làm thành viên Ban kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban Kiểm soát được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- d) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác;
- đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;
- g) Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ các chức danh quản lý và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Ban kiểm soát (nếu có).

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

CHƯƠNG III – BAN KIỂM SOÁT

Điều 11. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát

Các quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát được quy định chi tiết

tại Điều 37 và Điều 40 của Điều lệ công ty cổ phần LICOGI 12.

Điều 12. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát

1. Tài liệu và thông tin phải được gửi đến Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm:

a) Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và tài liệu kèm theo;

b) Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;

c) Báo cáo của Giám đốc hoặc Tổng giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do công ty phát hành.

2. Kiểm soát viên có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của công ty trong giờ làm việc.

3. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc hoặc người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của công ty theo yêu cầu của Kiểm soát viên hoặc Ban kiểm soát.

Điều 13. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông

1. Ban kiểm soát có trách nhiệm thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

a) Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật;

b) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp;

c) Khi có yêu cầu triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông của Ban kiểm soát nhưng Hội đồng quản trị không thực hiện.

2. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.

3. Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này sẽ được Công ty hoàn lại.

CHƯƠNG IV - CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT

Điều 14. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất hai (02) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số thành viên Ban kiểm soát.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 15. Biên bản họp Ban kiểm soát

Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

CHƯƠNG V - BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH

Điều 16. Trình báo cáo hằng năm

Các Báo cáo của Ban kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên bao gồm các nội dung sau đây:

1. Báo cáo về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc để trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

2. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty cổ phần LICOGI 12.

3. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban Kiểm soát và từng thành viên Ban kiểm soát.

4. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban Kiểm soát; kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty.

5. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và những người điều hành doanh nghiệp khác.

6. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc.

7. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.

Điều 17. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát

Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Ban kiểm soát theo kết quả và hiệu quả kinh doanh phù hợp theo quy định pháp luật và theo quy định tại Điều 39 Điều lệ công ty cổ phần LICOGI 12.

Điều 18. Công khai các lợi ích liên quan

Trường hợp Điều lệ công ty không có quy định khác chặt chẽ hơn, việc công khai lợi ích và người có liên quan của Công ty thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban kiểm soát của Công ty phải kê khai cho công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên Ban kiểm soát chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

4. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

CHƯƠNG VI - MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT

Điều 19. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban kiểm soát

Các thành viên Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập, không phụ thuộc lẫn nhau nhưng có sự phối hợp, cộng tác trong công việc chung để đảm bảo thực hiện tốt trách nhiệm, quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo quy định pháp luật và Điều lệ công ty. Trưởng Ban Kiểm soát là người điều phối công việc chung của Ban kiểm soát nhưng không có quyền chi phối các thành viên Ban kiểm soát.

Điều 20. Phân công công việc giữa các thành viên Ban kiểm soát

Mỗi thành viên Ban kiểm soát dưới sự chỉ đạo và phân công của Trưởng Ban kiểm soát có nhiệm vụ quyền hạn như sau:

1. Nhiệm vụ

a) Đề xuất lựa chọn công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề liên quan đến sự rút lui hay bãi nhiệm của công ty kiểm toán độc lập;

b) Thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán;

c) Xin ý kiến tư vấn chuyên nghiệp độc lập hoặc tư vấn về pháp lý và đảm bảo sự tham gia của những chuyên gia bên ngoài Công ty với kinh nghiệm trình độ chuyên

môn phù hợp vào công việc của công ty nếu thấy cần thiết;

d) Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ và cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc;

e) Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của Ban Điều hành;

f) Kiểm soát các hoạt động kinh doanh, kiểm tra sổ sách kế toán, tài sản, báo cáo tài chính hàng năm, sáu tháng và hàng quý trước khi đệ trình Hội đồng quản trị và kiến nghị khắc phục các sai phạm (nếu có);

g) Được quyền yêu cầu Ban điều hành cung cấp tình hình, số liệu, tài liệu và thuyết minh các hoạt động kinh doanh của công ty; Trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo thẩm tra tổng kết năm tài chính;

h) Báo cáo với Đại hội đồng cổ đông về những sự kiện tài chính bất thường, những ưu khuyết điểm trong quản lý tài chính của Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc với các ý kiến độc lập của mình. Chịu trách nhiệm cá nhân về những đánh giá và kết luận của mình. Nếu biết sai phạm mà không báo phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thiệt hại (nếu có);

i) Thông báo định kỳ tình hình kết quả kiểm soát cho Hội đồng quản trị;

j) Được Chủ tịch Hội đồng quản trị mời tham dự các cuộc họp Hội đồng quản trị, được phát biểu ý kiến và có những kiến nghị nhưng không tham gia biểu quyết. Nếu có ý kiến khác với quyết định của Hội đồng quản trị thì có quyền yêu cầu ghi ý kiến của mình vào biên bản phiên họp và được trực tiếp báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông gần nhất.

2. Quyền hạn

a) Ban kiểm soát có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị họp phiên bất thường;

b) Tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết;

c) Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Điều lệ công ty và quy định pháp luật;

d) Việc kiểm tra, kiểm soát theo quy định này không được gây cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn trong việc điều hành của Tổng Giám đốc.

Điều 21. Mối quan hệ với Ban Điều hành

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với ban điều hành Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của ban điều hành.

Điều 22. Mối quan hệ với Hội đồng quản trị

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Hội đồng quản trị Công ty, là đơn

vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị.

CHƯƠNG VII - ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 23. Hiệu lực thi hành

Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần LICOGI 12 bao gồm 7 chương, 23 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày...tháng...năm 2026.

Nơi nhận:

- HĐQT, BKS;
- Lưu VPHĐQT

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

MỤC LỤC

| | |
|--|---|
| CHƯƠNG 1 – QUI ĐỊNH CHUNG..... | 1 |
| Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng | 1 |
| Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Ban Kiểm soát | 1 |
| Điều 3. Giải thích thuật ngữ | 1 |
| CHƯƠNG II - THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT (KIỂM SOÁT VIÊN)..... | 2 |
| Điều 4. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban Kiểm soát..... | 2 |
| Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát | 2 |
| Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát | 3 |
| Điều 7. Trưởng Ban kiểm soát..... | 3 |
| Điều 8. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát..... | 3 |
| Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát | 3 |
| Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát..... | 4 |
| CHƯƠNG III – BAN KIỂM SOÁT..... | 4 |
| Điều 11. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát..... | 4 |
| Điều 12. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát..... | 5 |
| Điều 13. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông..... | 5 |
| CHƯƠNG IV - CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT | 5 |
| Điều 14. Cuộc họp của Ban kiểm soát | 5 |
| Điều 15. Biên bản họp Ban kiểm soát..... | 6 |
| CHƯƠNG V - BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH | 6 |
| Điều 16. Trình báo cáo hằng năm | 6 |
| Điều 17. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát..... | 6 |
| Điều 18. Công khai các lợi ích liên quan | 6 |
| CHƯƠNG VI - MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT | 7 |
| Điều 19. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban kiểm soát..... | 7 |
| Điều 20. Phân công công việc giữa các thành viên Ban kiểm soát..... | 7 |
| Điều 21. Mối quan hệ với Ban Điều hành..... | 8 |
| Điều 22. Mối quan hệ với Hội đồng quản trị | 8 |
| CHƯƠNG VII - ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH | 9 |
| Điều 23. Hiệu lực thi hành | 9 |

QUY CHẾ NỘI BỘ
VỀ QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI12
(DỰ THẢO)

Hà Nội, Ngày tháng 04 năm 2026

**CÔNG TY CỔ PHẦN
LICOGI12**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**QUY CHẾ QUẢN TRỊ 2026
CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI12**

(Ban hành theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số.....ngày... tháng.... năm 2026)

Căn cứ:

- *Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;*
- *Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;*
- *Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;*
- *Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;*
- *Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty cổ phần LICOGI12.*

Hội đồng quản trị ban hành Quy chế nội bộ về quản trị Công ty cổ phần LICOGI 12. Quy chế nội bộ về quản trị Công ty cổ phần LICOGI 12 bao gồm các nội dung sau:

CHƯƠNG I - QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1.1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định, hướng dẫn các vấn đề liên quan đến quản trị công ty bao gồm những nội dung chính sau:

- a) Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát;
- b) Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;
- c) Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc;
- d) Các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ Tổng Công ty và các quy định hiện hành khác của pháp luật.

1.2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này được áp dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát,

Tổng Giám đốc và những người có liên quan.

Điều 2. Giải thích thuật ngữ và chữ viết tắt

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. “Quản trị công ty” là hệ thống các nguyên tắc, bao gồm:
 - a) Đảm bảo cơ cấu quản trị hợp lý;
 - b) Đảm bảo hiệu quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát;
 - c) Đảm bảo quyền lợi của cổ đông và những người có liên quan;
 - d) Đảm bảo đối xử công bằng giữa các cổ đông;
 - e) Công khai minh bạch mọi hoạt động của Tổng Công ty.
 2. “Cổ đông lớn” là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 luật Chứng khoán năm 2019.
 3. “Người quản lý doanh nghiệp” là Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh khác do Hội đồng quản trị quy định.
 4. “Người điều hành doanh nghiệp” là Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng.
 5. “Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành” (sau đây gọi là thành viên không điều hành) là thành viên Hội đồng quản trị không đồng thời giữ vị trí người điều hành theo quy định tại Điều lệ Tổng Công ty và Quy chế này.
 6. “Người phụ trách quản trị công ty” là người do Hội đồng quản trị bổ nhiệm để hỗ trợ công tác quản trị công ty, thực hiện trách nhiệm, quyền hạn theo quy chế này.
- “Người có liên quan” là cá nhân, tổ chức được quy định tại Khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp, Khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán.
7. “Công ty”: là Công ty Cổ phần LICOGI12
 8. “HĐQT”: là Hội đồng quản trị
 9. “ĐHĐCĐ”: là Đại hội đồng cổ đông
 10. “BKS”: là Ban kiểm soát
 11. “Đại biểu”: Cổ đông, người đại diện (người được cổ đông ủy quyền)

CHƯƠNG II - CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của cổ đông

1. Cổ đông có đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật liên quan và Điều lệ công ty, đặc biệt là:
 - a) Quyền tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ và được ghi trong sổ cổ đông của công ty, trừ một số trường hợp bị hạn chế chuyển nhượng

theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và quyết định của ĐHĐCĐ;

b) Quyền được đối xử công bằng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được công bố đầy đủ cho cổ đông và phải được ĐHĐCĐ thông qua;

c) Quyền được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;

d) Quyền, trách nhiệm tham gia và phát biểu tại các cuộc họp ĐHĐCĐ và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa;

e) Quyền được ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần trong công ty.

2. Cổ đông có quyền bảo vệ các quyền lợi hợp pháp của mình. Trong trường hợp quyết định của ĐHĐCĐ, quyết định của HĐQT vi phạm pháp luật hoặc vi phạm những quyền lợi cơ bản của cổ đông theo quy định của pháp luật, cổ đông có quyền đề nghị hủy quyết định đó theo trình tự, thủ tục pháp luật quy định. Trường hợp các quyết định vi phạm pháp luật gây tổn hại tới công ty, HĐQT, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành phải đền bù cho công ty theo trách nhiệm của mình. Cổ đông có quyền yêu cầu công ty bồi thường tổn thất theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Trách nhiệm của cổ đông lớn

1. Cổ đông lớn không được lợi dụng ưu thế của mình gây tổn hại đến các quyền, lợi ích của công ty và của các cổ đông khác.

2. Cổ đông lớn có nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định của pháp luật

Điều 5. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường.

2. Đại hội đồng có quyền và nghĩa vụ sau:

a) Thông qua định hướng phát triển của Công ty;

b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần;

c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;

d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

đ) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;

e) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;

- g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
- i) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
- k) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- l) Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- m) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán độc lập; quyết định công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên độc lập khi xét thấy cần thiết;
- n) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
- o) Thông qua báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
- p) Thông qua báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc;
- q) Thông qua báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và Kiểm soát viên;
- r) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 6. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông

1.1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
- b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
- c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Điều 11.4 Điều lệ Công ty;
- d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
- e) Trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

1.2. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời

hạn 30 ngày kể từ ngày xảy ra trường hợp quy định tại Khoản 1.1.b Điều này hoặc nhận được yêu cầu triệu tập họp quy định tại Khoản 1.1.c và Khoản 1.1.d Điều này. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.

1.3. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 1.2 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.

1.4. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 1.3 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại Điều 11.4 Điều lệ Công ty có quyền đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông.

2. Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp

2.1. Trình tự, thủ tục chốt danh sách cổ đông thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông.

2.2. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông.

3. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

3.1. Công ty phải thông báo việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông, đồng thời công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.

3.2. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục, sao chép tên và địa chỉ liên lạc của cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông; yêu cầu sửa đổi thông tin sai lệch hoặc bổ sung thông tin cần thiết về mình trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông. Người quản lý Công ty phải cung cấp kịp thời thông tin trong sổ đăng ký cổ đông, sửa đổi, bổ sung thông tin sai lệch theo yêu cầu của cổ đông; chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại phát sinh do không cung cấp hoặc cung cấp không kịp thời, không chính xác

thông tin số đăng ký cổ đông theo yêu cầu.

4. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông

4.1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất là 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán mà Công ty đăng ký giao dịch hoặc niêm yết.

4.2. Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp;
- b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- c) Phiếu biểu quyết.

5. Chương trình, nội dung cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

5.1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chuẩn bị chương trình, nội dung cuộc họp.

5.2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Điều 11.4 Điều lệ Công ty có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ, và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5.3. Trường hợp người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông từ chối kiến nghị quy định tại khoản 5.2 Điều này thì chậm nhất là 02 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông chỉ được từ chối kiến nghị nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:

- a) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 5.2 Điều này.

b) Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

c) Trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ công ty.

5.4. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 5.2 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5.3 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

6. Thực hiện quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông

6.1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp, ủy quyền bằng văn bản cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 6.3 Điều này.

6.2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền và số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền. Cá nhân, tổ chức được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải xuất trình văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

7. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông

7.1. Cổ đông có thể đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông theo cách thức đã ghi trong thông báo, bao gồm một trong các hình thức sau: đăng ký trực tiếp, gửi thư hoặc thư điện tử hoặc hình thức khác cho Công ty trước thời hạn ghi trong thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông.

7.2. Hội đồng quản trị quyết định cách thức đăng ký cụ thể, đảm bảo thuận lợi nhất cho các cổ đông trong việc đăng ký tham dự và thông báo đến các cổ đông khi thông báo triệu tập họp.

8. Điều kiện tiến hành

8.1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

8.2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 8.1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai phải được gửi trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33%

tổng số phiếu biểu quyết trở lên.

8.3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 8.2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

8.4. Theo đề nghị của chủ tọa, Đại hội đồng cổ đông có quyền thay đổi chương trình họp đã gửi kèm theo thông báo mời họp.

9. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp.

10. Cách thức bỏ phiếu

10.1. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty sẽ cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, tên của cổ đông và số phiếu biểu quyết mà cổ đông đó có. Biểu quyết tại đại hội sẽ tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến.

10.2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng cách giơ thẻ biểu quyết hoặc bỏ phiếu biểu quyết vào thùng phiếu tùy theo nội dung lấy ý kiến. Cách thức biểu quyết sẽ được quy định cụ thể và thông qua tại Quy chế làm việc của Đại hội.

10.3. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

10.4. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.

11. Cách thức kiểm phiếu và công bố kết quả kiểm phiếu

Số phiếu, thẻ biểu quyết được kiểm đếm theo thứ tự: tán thành, không tán thành, không có ý kiến với từng vấn đề. Việc công bố kết quả kiểm phiếu được thực hiện theo quy định tại Quy chế làm việc của Đại hội.

12. Điều kiện để nghị quyết được thông qua

12.1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán

thành:

- a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;
- d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- e) Tổ chức lại, giải thể Công ty.

12.2. Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 12.1 Điều này.

12.3. Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

12.4. Trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử.

13. Cách thức phản đối nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

13.1. Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc (Tổng giám đốc), cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 11 Điều lệ Công ty có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

a) Trình tự và thủ tục triệu tập họp hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ này, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 21 Điều lệ Công ty.

b) Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.

Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong vòng [30] ngày theo

trình tự, thủ tục quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

14. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

14.1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c) Chương trình và nội dung cuộc họp;
- d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- e) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;
- f) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
- i) Họ, tên, chữ ký của chủ tọa và thư ký.

Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

14.2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp.

14.3. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

14.4. Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng Anh thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

14.5 Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

15. Công bố nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Việc công bố nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo quy định

của pháp luật về chứng khoán..

Điều 7. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

1. Ngoại trừ Đại hội đồng cổ đông thường niên, các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông đều có thể được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản theo quy định tại Điều này.

2. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản:

2.1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.

2.2. Hội đồng quản trị chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất là 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Việc lập danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Quy chế này. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo thực hiện theo quy định tại Khoản 4 Điều 6 Quy chế này.

2.3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Mục đích lấy ý kiến;

c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

e) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

f) Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

2.4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:

a) Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b) Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;

c) Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

2.5. Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến, giám sát của Ban Kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

e) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

f) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

2.6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết thực hiện công bố theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

2.7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

2.8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tán thành.

2.9. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 8. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến hoặc bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp

với trực tuyến

Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến hoặc bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến thực hiện theo quy chế do Hội đồng quản trị xây dựng và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi triển khai thực hiện.

CHƯƠNG III - HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 9. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị, trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;

b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;

e) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 của Luật Doanh nghiệp;

f) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị dưới 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty hoặc một giá trị khác theo nghị quyết phân cấp thẩm quyền của Hội đồng quản trị tùy từng thời kỳ và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 của Luật Doanh nghiệp;

i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và người quản lý quan trọng khác theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị từng thời kỳ; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội

đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

j) Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;

k) Quyết định cơ cấu tổ chức, các quy chế quản lý nội bộ của Công ty thuộc thẩm quyền theo nghị quyết của Hội đồng quản trị tùy từng thời kỳ, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

l) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

m) Trình báo cáo tài chính hằng năm lên Đại hội đồng cổ đông;

n) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

o) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;

p) Phân cấp cho Tổng Giám đốc thực hiện các nhiệm vụ điều hành trong phạm vi quyền hạn của Hội đồng quản trị;

q) Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động của Công ty;

r) Đối xử bình đẳng đối với tất cả cổ đông và tôn trọng lợi ích của người có quyền lợi liên quan đến Công ty;

s) Đảm bảo hoạt động của công ty tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ và quy định nội bộ của Công ty;

t) Xây dựng Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty;

u) Giám sát và ngăn ngừa xung đột lợi ích của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác, bao gồm việc sử dụng tài sản Công ty sai mục đích và lạm dụng các giao dịch với bên liên quan;

v) Xây dựng Quy chế nội bộ về quản trị công ty và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua;

w) Bổ nhiệm Người phụ trách quản trị công ty;

x) Tổ chức đào tạo, tập huấn về quản trị công ty và các kỹ năng cần thiết cho thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác của Công ty;

y) Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 280 Nghị định 155/2020/NĐ-CP và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế nếu có.

z) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 10. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị

a) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị có 05 (năm) thành viên. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

b) Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

2. Cơ cấu, tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị

Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp 2020;

b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của công ty;

c) Thành viên Hội đồng quản trị công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác;

3. Đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị

3.1. Hội đồng quản trị thông báo cho các cổ đông về số lượng thành viên dự kiến được bầu, bổ sung vào Hội đồng quản trị; đồng thời thông báo các điều kiện, tiêu chuẩn phải đáp ứng đối với các chức danh được bầu để các cổ đông đề cử, ứng cử.

3.2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% được đề cử tối đa một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% trở lên được đề cử đủ số thành viên cần bầu.

3.3. Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể giới thiệu thêm ứng cử viên để Đại hội đồng cổ đông thông qua.

4. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị

Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội

đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ này. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử.

5. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

5.1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Quy chế này và Điều lệ Công ty.

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận.

5.2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp thành viên Hội đồng quản trị không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng.

5.3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 5.1 và khoản 5.2 Điều này.

5.4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba.

b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a nêu trên, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

6. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

6.1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành

viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
- e) Các lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty (nếu có);
- f) Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);

6.2. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được thông báo trên trang thông tin điện tử của Công ty, Sở giao dịch chứng khoán, Ủy ban chứng khoán Nhà nước trong vòng 24h kể từ khi xảy ra sự kiện theo quy định của pháp luật chứng khoán.

7. Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị

7.1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

7.2. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

7.3 Bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị: Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn xin từ chức, Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được đơn của Chủ tịch Hội đồng quản trị, Hội đồng quản trị phải tổ chức họp để xem xét quyết định và tiến hành thủ tục miễn nhiệm, bãi nhiệm và bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị mới theo quy định.

Điều 11. Thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị, trả lương, thưởng cho Tổng giám đốc và người quản lý khác theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao phụ cấp công việc và thưởng. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên;

a) Thành viên Hội đồng quản trị được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại và chi phí hợp lý khác khi thực hiện nhiệm vụ được giao;

b) Tổng giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị, tiền lương của Tổng giám đốc và người quản lý khác được tính vào chi phí kinh doanh của công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 12. Trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị họp ít nhất mỗi quý một lần và có thể họp bất thường.

2. Các trường hợp phải triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường:

2.1. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau đây:

a) Có đề nghị của Ban kiểm soát.

b) Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 03 người quản lý khác.

c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị.

2.2. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị nêu tại khoản 2.1 nêu trên. Trường hợp không triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

3. Thông báo họp Hội đồng quản trị

3.1. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

3.2. Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

4. Quyền dự họp Hội đồng quản trị của thành viên Ban kiểm soát

Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các Kiểm soát viên như đối với các thành viên Hội đồng quản trị. Kiểm soát viên có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền

thảo luận nhưng không được biểu quyết.

5. Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị

Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ ba phần tư tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

6. Cách thức biểu quyết

Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- 6.1. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp
- 6.2. Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 8 Điều này.
- 6.3. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác.
- 6.4. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.
- 6.5. Tham dự và biểu quyết thông qua hình thức họp kết hợp một hoặc một số các hình thức nêu trên.

7. Cách thức thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị

Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

8. Việc ủy quyền cho người khác dự họp của thành viên Hội đồng quản trị

Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

9. Lập biên bản họp Hội đồng quản trị

Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- 9.1. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp.
- 9.2. Thời gian, địa điểm họp.
- 9.3. Mục đích, chương trình và nội dung họp.
- 9.4. Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và

cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do.

9.5. Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp.

9.6. Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp.

9.7. Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến.

9.8. Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng.

9.9. Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 10 Điều này.

10. Trường hợp chủ tọa và/hoặc thư ký từ chối ký biên bản họp Hội đồng quản trị nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định từ khoản 9.1 đến 9.8 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.

11. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

12. Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị

Việc công bố nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị thực hiện theo quy định của Điều lệ Công ty, Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán và các văn bản pháp luật liên quan.

13. Thẩm quyền và thể thức, trình tự, thủ tục lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan và được quy định cụ thể tại Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị.

Điều 13. Lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty

1. Tiêu chuẩn của Người phụ trách quản trị công ty

1.1. Người phụ trách quản trị công ty của Công ty phải là người có hiểu biết về pháp luật, không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.

1.2. Người phụ trách quản trị công ty của Công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký Công ty.

2. Việc bổ nhiệm Người phụ trách quản trị công ty

Hội đồng quản trị bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp.

3. Các trường hợp miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty

3.1. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Người phụ trách quản trị

công ty theo quy định tại Khoản 1 Điều này.

3.2. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công.

3.3. Có đơn từ chức và được chấp thuận.

4. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm người phụ trách quản trị công ty

Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty phải được thông báo theo quy định của Điều lệ Công ty, Luật doanh nghiệp và Luật chứng khoán.

5. Quyền và nghĩa vụ của Người phụ trách quản trị công ty

5.1. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;

5.2. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;

5.3. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

5.4. Tham dự các cuộc họp;

5.5. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;

5.6. Cung cấp các thông tin tài chính, biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;

5.7. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;

5.8. Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;

5.9. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật;

5.10. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG IV - BAN KIỂM SOÁT

Điều 14. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát, trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ sau:

1.1. Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty.

1.2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

1.3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm và 06 tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc

họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.

1.4. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và tài liệu khác của công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 11 của Điều Lệ Công ty.

1.5. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 11 của Điều lệ này, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của công ty.

1.6. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của công ty.

1.7. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc vi phạm quy định tại Điều 165 của Luật Doanh nghiệp phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

1.8. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của công ty.

1.9. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

1.10. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

2. Trách nhiệm của Kiểm soát viên

2.1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ Công ty, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.

2.2. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty.

2.3. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

2.4. Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng Công ty.

2.5. Trường hợp vi phạm quy định tại các khoản 2.1 đến 2.4 Điều này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì Kiểm soát viên phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà Kiểm soát viên có được do vi phạm phải hoàn trả cho Công ty.

2.6. Trường hợp phát hiện có Kiểm soát viên vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát; yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

Điều 15. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên Ban kiểm soát

1. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên Ban Kiểm soát

1.1. Ban kiểm soát có 03 Kiểm soát viên. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

1.2. Ban kiểm soát bao gồm một Trưởng ban và các Kiểm soát viên. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các Kiểm soát viên.

2. Tiêu chuẩn và điều kiện của Kiểm soát viên

2.1. Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;

2.2. Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty;

2.3. Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác;

2.4. Không phải là người quản lý Công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty;

2.5. Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ công ty

2.6. Không thuộc các trường hợp sau:

a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty.

b) Là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó.

3. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát

3.1. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Kiểm soát viên. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% được đề cử tối đa một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% trở lên được bầu đủ số thành

viên Ban kiểm soát.

3.2. Trường hợp số lượng ứng viên Kiểm soát viên thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể giới thiệu thêm ứng cử viên. Việc Ban Kiểm soát giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

4. Cách thức bầu Kiểm soát viên

Việc biểu quyết bầu Kiểm soát viên được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban Kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ này. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử.

5. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát

5.1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm Kiểm soát viên trong trường hợp sau đây:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Khoản 2 Điều này;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

5.2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm Kiểm soát viên trong trường hợp sau đây:

a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của Kiểm soát viên theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và Quy chế này;

d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

6. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát

Việc bầu, bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát Công ty phải được thông báo theo quy định của Điều lệ Công ty, Luật doanh nghiệp và Luật chứng khoán.

7. Tiền lương và quyền lợi khác của thành viên Ban kiểm soát

7.1. Kiểm soát viên được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.

7.2. Kiểm soát viên được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

7.3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

CHƯƠNG V - TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 16. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc

1. Tổng Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.

Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Tổng Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

b) Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của công ty;

d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của công ty;

đ) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

e) Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc;

g) Tuyển dụng lao động;

h) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

i) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

4. Tổng giám đốc phải có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của công ty. Điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty

theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ công ty, hợp đồng lao động ký với công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp điều hành trái với quy định tại khoản này mà gây thiệt hại cho công ty thì Tổng giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho công ty.

5. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cấp này khi được yêu cầu.

Điều 17. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc

1. Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng Giám đốc

1.1. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc không quá năm (05) năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

1.2. Tổng Giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:

a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;

b) Không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý Công ty, Kiểm soát viên của Công ty và Tập đoàn; người đại diện phần vốn nhà nước tại Tập đoàn, người đại diện phần vốn của Tập đoàn tại Công ty;

c) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của Công ty.

2. Bổ nhiệm, ký hợp đồng lao động với Tổng Giám đốc

Hội đồng quản trị bổ nhiệm một thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê một người khác làm Tổng Giám đốc.

3. Miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc

Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng Giám đốc mới thay thế.

4. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc

Việc bầu, bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc Công ty phải được thông báo trên trang thông tin điện tử của Công ty, Sở giao dịch chứng khoán, Ủy Ban chứng khoán Nhà nước trong vòng 24h kể từ khi xảy ra sự kiện theo quy định của pháp luật chứng khoán.

5. Tiền lương và lợi ích khác của Tổng Giám đốc

5.1. Công ty có quyền trả lương, thưởng cho Tổng giám đốc theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

5.2. Tiền lương của Tổng Giám đốc được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

CHƯƠNG VI - CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC

Điều 18. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc

1. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc.

1.1. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các Kiểm soát viên như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Kiểm soát viên có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

1.2. Khi thấy cần thiết, Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị có thể mời Ban Tổng Giám đốc hoặc Người điều hành khác có liên quan tham dự cuộc họp Hội đồng quản trị.

1.3. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản được thực hiện theo quy định của Quy chế này.

1.4. Tại các phiên họp định kỳ, đột xuất của Ban điều hành, người chủ trì căn cứ nội dung cuộc họp có thể quyết định mời Chủ tịch, thành viên Hội đồng quản trị, Trưởng Ban kiểm soát, Thành viên Ban kiểm soát cùng tham dự họp và đóng góp ý kiến (nếu có). Nội dung cuộc họp phải lập thành biên bản và gửi về Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát để báo cáo.

2. Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị cho Ban kiểm soát

Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng quản trị hoặc nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị tới các Kiểm soát viên trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp.

3. Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị cho Tổng Giám đốc

Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị sau khi được ban hành phải được gửi đến cho Tổng Giám đốc cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.

4. Các trường hợp Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị và những vấn đề cần xin ý kiến Hội đồng quản trị

4.1. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không

được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần thảo luận:

- a) Tổng Giám đốc hoặc ít nhất 02 người điều hành khác;
- b) Ban kiểm soát;

4.2. Các cuộc họp Hội đồng quản trị nêu tại khoản 4.1 Điều này phải được tiến hành trong thời hạn bảy (07) ngày sau khi có đề xuất họp. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở khoản 4.1 Điều này có thể tự mình triệu tập họp Hội đồng quản trị.

5. Báo cáo của Tổng Giám đốc với Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao

5.1. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này định kỳ theo quy định và khi được yêu cầu.

5.2. Tổng Giám đốc phải báo cáo trong các cuộc họp Hội đồng quản trị về các vấn đề sau: các quyết định trong quá trình sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính, đầu tư, hoạt động quản trị Công ty; Các vấn đề ảnh hưởng trọng yếu đến kết quả hoạt động của Công ty, các rủi ro có thể ảnh hưởng lớn đến uy tín hoặc hoạt động kinh doanh của Công ty, hoặc các sự việc xét thấy cần thiết khác

5.3. Tổng Giám đốc phải giải trình về sự thua lỗ, kém hiệu quả từng thời kỳ và kế hoạch khắc phục trước Hội đồng quản trị.

5.4. Ngoài các thông tin báo cáo định kỳ, theo câu của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác phải báo cáo trực tiếp hoặc cung cấp thông tin, báo cáo trong khoảng thời gian nhanh nhất theo yêu cầu.

6. Kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của Hội đồng quản trị đối với Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm về việc thực hiện nghị quyết Hội đồng quản trị và các vấn đề được Hội đồng quản trị phân công đồng thời có trách nhiệm báo cáo các nội dung đã thực hiện hoặc chưa thực hiện cũng như kết quả việc thực hiện khi Hội đồng quản trị yêu cầu.

7. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên Hội đồng quản trị, các thành viên Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc theo các nhiệm vụ cụ thể của các thành viên nêu trên

7.1. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát:

- Hội đồng quản trị đảm bảo rằng tất cả tài liệu, thông tin về nội dung họp, tài

liệu, biên bản họp, nghị quyết họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; các báo cáo của Tổng giám đốc và người điều hành khác trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do công ty phát hành, được cung cấp cho Ban kiểm soát cùng thời điểm và phương thức như cung cấp với thành viên Hội đồng quản trị.

- Ngoài các thông tin báo cáo định kỳ, Ban kiểm soát được quyền yêu cầu Hội đồng quản trị cung cấp thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.

7.2. Phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc:

- Tổng Giám đốc và người điều hành khác thực hiện cung cấp thông tin theo định kỳ các công việc theo quy định của Công ty.

- Ngoài các thông tin báo cáo theo định kỳ, theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và người điều hành khác thực hiện báo cáo trực tiếp hoặc cung cấp các thông tin, báo cáo có liên quan đến công việc mà thành viên Ban kiểm soát được phân công thực hiện.

- Trường hợp phát hiện rủi ro có thể ảnh hưởng lớn đến uy tín hoặc hoạt động kinh doanh của Công ty, Tổng Giám đốc và người điều hành khác cần báo cáo ngay cho Ban kiểm soát

- Tổng Giám đốc và Người điều hành khác có trách nhiệm tạo mọi điều kiện thuận lợi để Ban kiểm soát được tiếp cận thông tin, báo cáo trong khoảng thời gian nhanh nhất. Các văn bản báo cáo của Tổng Giám đốc trình Hội đồng quản trị phải được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời thời điểm và theo phương thức như gửi đến thành viên Hội đồng quản trị.

7.3 Phối hợp hoạt động giữa Tổng Giám đốc và Hội đồng quản trị:

- Hội đồng quản trị được quyền yêu cầu Tổng Giám đốc và các đơn vị báo cáo thực hiện việc cung cấp thông tin, chấp hành chế độ báo cáo nhằm thực hiện chức năng quản trị, kiểm soát theo quy định tại Điều lệ, quy định nội bộ của Công ty, phù hợp với quy định của pháp luật. Các thông tin, số liệu báo cáo, cung cấp cho Hội đồng quản trị phải đảm bảo tính trung thực, khách quan, kịp thời, đầy đủ, phản ánh đúng tình hình hoạt động của Công ty, phù hợp với yêu cầu quản trị và quy định pháp luật.

- Tổng Giám đốc có trách nhiệm thiết lập và duy trì thực hiện chế độ thông tin báo cáo đối với Hội đồng quản trị bao gồm cả cách thức gửi/nhận thông tin, báo cáo đảm bảo an toàn, bảo mật theo quy định của Hội đồng quản trị.

Điều 19. Đánh giá hoạt động đối với thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và các người điều hành khác

- Hàng năm, căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được phân công, Hội đồng quản trị tổ chức đánh giá mức độ hoàn thành của từng thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các người điều hành khác của Công ty.

- Trưởng Ban Kiểm soát tổ chức đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ phân công của từng Kiểm soát viên.

- Tiêu chí đánh giá hoạt động và xếp loại đánh giá theo quy định của Công ty trong từng thời kỳ.

Điều 20. Xử lý vi phạm về quản trị công ty

Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và những người điều hành khác khi thực hiện nhiệm vụ mà có hành vi vi phạm pháp luật và quy định của Công ty thì tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của Công ty và của pháp luật. Nếu những hành vi vi phạm gây thiệt hại đến lợi ích của Công ty, lợi ích của cổ đông thì phải bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật

Điều 21. Công bố thông tin

1. Công ty phải công bố đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin định kỳ và bất thường theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin cho cổ đông và công chúng đầu tư. Công ty phải công bố đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin khác nêu các thông tin đó có khả năng ảnh hưởng đến giá chứng khoán và ảnh hưởng đến quyết định của cổ đông và nhà đầu tư.

2. Cách thức công bố thông tin được thực hiện theo quy định của pháp luật nhằm đảm bảo cổ đông và công chúng đầu tư được tiếp cận một cách công bằng. Ngôn ngữ trong công bố thông tin cần rõ ràng, dễ hiểu và tránh gây hiểu lầm cho cổ đông và công chúng đầu tư.

3. Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền công bố thông tin của Công ty có trách nhiệm sau:

a. Công bố các thông tin của Công ty với công chúng đầu tư theo quy định của pháp luật và Quy chế công bố thông tin của Công ty.

b. Công khai tên, số điện thoại làm việc để cổ đông có thể dễ dàng liên hệ.

CHƯƠNG VII - NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH

Điều 22. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi của người quản lý doanh nghiệp

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác phải công khai các lợi ích liên quan theo quy định của Luật doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc

và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính thành viên đó hoặc với những người có liên quan của thành viên đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch của các đối tượng nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

5. Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Điều 23. Giao dịch với người có liên quan

1. Khi tiến hành giao dịch với người có liên quan, công ty phải ký kết hợp đồng bằng văn bản theo nguyên tắc bình đẳng, tự nguyện.

2. Công ty áp dụng các biện pháp cần thiết để ngăn ngừa những người có liên quan can thiệp vào hoạt động của công ty và gây tổn hại cho lợi ích của công ty thông qua việc kiểm soát các giao dịch, mua bán, giá cả hàng hóa và dịch vụ của công ty.

3. Công ty áp dụng các biện pháp cần thiết để ngăn ngừa cổ đông và những người có liên quan tiến hành các giao dịch làm thất thoát vốn, tài sản hoặc các nguồn lực khác của công ty.

Điều 24. Giao dịch với cổ đông, người quản lý doanh nghiệp và người có liên quan của các đối tượng này

1. Công ty không được cung cấp khoản vay hoặc bảo lãnh cho cổ đông là cá nhân và người có liên quan của cổ đông đó là cá nhân.

2. Công ty không được cung cấp khoản vay hoặc bảo lãnh cho cổ đông là tổ chức và người có liên quan của cổ đông đó là cá nhân, trừ các trường hợp sau đây:

Cổ đông là công ty con trong trường hợp công ty con là các công ty không có cổ phần, phần vốn góp nhà nước nắm giữ và đã thực hiện góp vốn, mua cổ phần của công ty đại chúng trước ngày 01 tháng 7 năm 2015 theo quy định tại khoản 6 Điều 16 Nghị định số 96/2015/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật doanh nghiệp.

3. Công ty không được cung cấp khoản vay hoặc bảo lãnh cho người có liên quan của cổ đông là tổ chức, trừ các trường hợp sau đây:

a. Công ty và tổ chức là người có liên quan của cổ đông là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và giao dịch này phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận theo quy định tại Điều lệ công ty;

b. Trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Trừ trường hợp các giao dịch được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, công ty không được thực hiện giao dịch sau:

a. Cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, các người quản lý khác và những cá nhân, tổ chức có liên quan của các đối tượng này, trừ trường hợp công ty đại chúng và tổ chức có liên quan đến cổ đông là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và pháp luật chuyên ngành có quy định khác.

b. Giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa công ty đại chúng với một trong các đối tượng sau:

- Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, các người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này;

- Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của công ty và những người có liên quan của họ;

- Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 159 Luật doanh nghiệp.

5. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch tại điểm b khoản 4 Điều này có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn quy định tại Điều lệ công ty.

Điều 25. Đảm bảo quyền hợp pháp của người có quyền lợi liên quan đến công ty

1. Công ty phải thực hiện trách nhiệm với cộng đồng và người có quyền lợi liên quan đến công ty theo quy định của pháp luật hiện hành và Điều lệ công ty

2. Công ty phải tuân thủ các quy định pháp luật về lao động, môi trường và xã hội.

CHƯƠNG VIII - SỬA ĐỔI QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Điều 26. Bổ sung và sửa đổi Quy định về quản trị Công ty

1. Việc bổ sung hoặc sửa đổi Quy định này phải được Đại hội đồng cổ đông Công ty xem xét và quyết định.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của công ty chưa được đề cập trong bản quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong quy chế này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh

hoạt động của công ty.

CHƯƠNG IX - NGÀY HIỆU LỰC

Điều 27. Ngày hiệu lực

1. Quy chế này gồm 09 chương và 27 điều, được ĐHĐCĐ Công ty Cổ phần LICOGI12 nhất trí thông qua ngày.....tháng.....năm 2026 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của quy định này.

2. Quy chế này là duy nhất và chính thức của công ty.

3. Các bản sao hoặc trích lục Quy chế về quản trị công ty phải có chữ ký của Chủ tịch HĐQT hoặc có chữ ký của người đại diện theo pháp luật mới có giá trị./.

Nơi nhận:

- HĐQT, BKS;
- Lưu VPHĐQT

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

MỤC LỤC

| | |
|---|-----------|
| CHƯƠNG I - QUY ĐỊNH CHUNG | 1 |
| Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng | 1 |
| Điều 2. Giải thích thuật ngữ và chữ viết tắt..... | 2 |
| CHƯƠNG II - CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG..... | 2 |
| Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của cổ đông..... | 2 |
| Điều 4. Trách nhiệm của cổ đông lớn..... | 3 |
| Điều 5. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông | 3 |
| Điều 6. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông..... | 4 |
| Điều 7. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản | 11 |
| Điều 8. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến hoặc bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến..... | 12 |
| CHƯƠNG III - HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ..... | 13 |
| Điều 9. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị, trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị..... | 13 |
| Điều 10. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị | 15 |
| Điều 11. Thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị..... | 17 |
| Điều 12. Trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị | 18 |
| Điều 13. Lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty | 20 |
| CHƯƠNG IV - BAN KIỂM SOÁT | 21 |
| Điều 14. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát, trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát | 21 |
| Điều 15. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên Ban kiểm soát | 23 |
| CHƯƠNG V - TỔNG GIÁM ĐỐC | 25 |
| Điều 16. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc .. | 25 |
| Điều 17. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc | 26 |

| | |
|---|-----------|
| CHƯƠNG VI - CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC | 27 |
| Điều 18. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc | 27 |
| Điều 19. Đánh giá hoạt động đối với thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và các người điều hành khác | 29 |
| Điều 20. Xử lý vi phạm về quản trị công ty..... | 30 |
| Điều 21. Công bố thông tin | 30 |
| CHƯƠNG VII - NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH..... | 30 |
| Điều 22. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi của người quản lý doanh nghiệp..... | 30 |
| Điều 23. Giao dịch với người có liên quan | 31 |
| Điều 24. Giao dịch với cổ đông, người quản lý doanh nghiệp và người có liên quan của các đối tượng này | 31 |
| Điều 25. Đảm bảo quyền hợp pháp của người có quyền lợi liên quan đến công ty | 32 |
| CHƯƠNG VIII - SỬA ĐỔI QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY | 32 |
| Điều 26. Bổ sung và sửa đổi Quy định về quản trị Công ty | 32 |
| CHƯƠNG IX - NGÀY HIỆU LỰC..... | 33 |
| Điều 27. Ngày hiệu lực..... | 33 |